

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 1

Bài 1: Tự nhiên và công nghệ (Tiết 1)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ ở mức độ đơn giản.
- Gọi tên được một số đối tượng trong tranh và trong lớp học; bước đầu nêu được đối tượng nào do con người làm ra, đối tượng nào có sẵn trong tự nhiên.
- Biết liên hệ thực tế để kể thêm một số đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ quen thuộc.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời và điều chỉnh câu trả lời sau khi nghe góp ý.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn, trình bày ý kiến rõ ràng, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết đặt câu hỏi “Vì sao em biết?” để lí giải cách phân loại đối tượng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, tham gia trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng, giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình và lớp học.

4. Tích hợp:

Tích hợp NLS 1.2.CB1a: HS nhận biết một số thiết bị, sản phẩm công nghệ quen thuộc; biết quan sát thông tin từ nguồn do GV cung cấp. Công cụ cụ thể: Google Lens do GV mở trên thiết bị của GV.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh khởi động; Hình 1 về đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ; thẻ từ; điện thoại hoặc máy tính bảng có Google Lens do GV thao tác; máy chiếu hoặc màn hình trình chiếu.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu phân loại đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; gọi cho HS nhận ra điểm giống và khác nhau ban đầu giữa nguồn sáng tự nhiên và bóng đèn điện. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát tranh khởi động trong SGK và nêu câu hỏi: “Bóng điện chiếu sáng và Mặt Trời chiếu sáng có gì giống và khác nhau?” 	- HS quan sát tranh, suy nghĩ và nêu ý kiến cá nhân.

- GV yêu cầu HS nói nhanh một điểm giống nhau giữa bóng điện và Mặt Trời trong tranh.	- HS trả lời: Bóng điện và Mặt Trời đều có thể phát ra ánh sáng, giúp con người nhìn rõ hơn.
- GV yêu cầu HS nói nhanh một điểm khác nhau giữa bóng điện và Mặt Trời trong tranh.	- HS trả lời: Mặt Trời có sẵn trong tự nhiên; bóng điện là đồ vật do con người làm ra.
- GV gợi mở: “Cả hai đối tượng này đều giúp chúng ta điều gì? Đối tượng nào có sẵn trong tự nhiên? Đối tượng nào do con người làm ra?”	- HS trả lời: Cả hai đều giúp chiếu sáng. Mặt Trời có sẵn trong tự nhiên. Bóng đèn điện do con người làm ra.
- GV mời HS liên hệ thêm: “Ngoài bóng điện, em còn biết đồ vật nào do con người làm ra để phục vụ cuộc sống?”	- HS nêu: quạt điện, ti vi, điện thoại, đèn học, bàn ghế, xe đạp là những đồ vật do con người làm ra.
- GV nhận xét và dẫn vào bài: “Trong cuộc sống có những đối tượng có sẵn trong tự nhiên và cũng có những sản phẩm do con người làm ra để phục vụ đời sống. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu bài Tự nhiên và công nghệ.”	- HS lắng nghe, nhắc lại tên bài.

2. KHÁM PHÁ: Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ (15 phút)

Mục tiêu: HS quan sát Hình 1, gọi tên được các đối tượng và phân biệt được đối tượng tự nhiên với sản phẩm công nghệ ở mức độ đơn giản.

Mục tiêu tích hợp: NLS 1.2.CB1a: HS nhận biết một số thiết bị, sản phẩm công nghệ quen thuộc; biết quan sát thông tin từ nguồn do GV cung cấp.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1 trong SGK và gọi tên các đối tượng có trong hình.



- HS quan sát Hình 1 và gọi tên: cây, nón lá, núi đá/biển, đèn bàn, quạt điện, ti vi.

- GV hỏi: “Trong các đối tượng đó, đối tượng nào do con người làm ra? Đối tượng nào không phải do con người làm ra?”

- HS trả lời: Nón lá, đèn bàn, quạt điện, ti vi do con người làm ra. Cây, núi đá/biển không phải do con người làm ra.

- GV yêu cầu HS giải thích: “Vì sao em xếp nón lá, đèn bàn, quạt điện, ti vi vào nhóm do con người làm ra?”

- HS trả lời: Vì những đồ vật đó được con người thiết kế, chế tạo để dùng trong cuộc sống.

- GV giải thích thêm: Khi nói đối tượng tự nhiên hay sản phẩm công nghệ, chúng ta chú ý đến nguồn gốc tạo ra đối tượng. Cây là thực vật trong tự nhiên; nón lá tuy làm từ vật liệu tự nhiên nhưng do con người làm ra nên là sản phẩm công nghệ.	- HS lắng nghe, nhắc lại: Đối tượng tự nhiên có sẵn trong tự nhiên; sản phẩm công nghệ do con người làm ra để phục vụ cuộc sống.
- GV mở Google Lens trên thiết bị của GV, quét hình hoặc vật thật trong lớp như quạt điện, đèn học, màn hình; sau đó chiếu kết quả gợi ý tên đồ vật cho HS quan sát. GV nhấn mạnh: Công cụ số giúp nhận biết tên sản phẩm nhanh hơn, nhưng HS cần quan sát kĩ, đọc thông tin do GV cung cấp và đối chiếu với SGK, không tự ý tìm kiếm thông tin chưa được hướng dẫn.	- HS quan sát kết quả trên màn hình, đọc tên sản phẩm công nghệ quen thuộc và đối chiếu với tranh trong SGK.
- GV kết luận: Sản phẩm công nghệ là sản phẩm do con người làm ra để phục vụ cuộc sống. Đối tượng tự nhiên không phải do con người làm ra mà có sẵn trong tự nhiên như động vật, thực vật, đất, nước.	- HS ghi nhớ nội dung chính và đọc lại phần ghi nhớ theo hướng dẫn của GV.
3. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH (10 phút) Mục tiêu: HS củng cố cách nhận biết và phân loại đối tượng tự nhiên, sản phẩm công nghệ qua các ví dụ gần gũi trong lớp học và gia đình. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai phân loại nhanh hơn”. GV đưa các thẻ từ: cái bàn, cái ghế, cây xanh, nước, bút chì, hòn đá, áo mưa, điện thoại.	- HS làm việc theo nhóm đôi, xếp thẻ vào hai nhóm: đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ.
- GV hướng dẫn HS đọc từng thẻ từ và hỏi: “Đồ vật hoặc sự vật này có sẵn trong tự nhiên không?”	- HS đọc từng thẻ từ, suy nghĩ và trả lời có hoặc không trước khi xếp vào nhóm.
- GV yêu cầu HS xếp thẻ cây xanh, nước, hòn đá vào nhóm phù hợp và nêu lí do.	- HS xếp cây xanh, nước, hòn đá vào nhóm đối tượng tự nhiên vì chúng có sẵn trong tự nhiên.
- GV yêu cầu HS xếp thẻ cái bàn, cái ghế, bút chì, áo mưa, điện thoại vào nhóm phù hợp và nêu lí do.	- HS xếp các thẻ đó vào nhóm sản phẩm công nghệ vì chúng do con người làm ra để phục vụ cuộc sống.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả và hỏi: “Em dựa vào dấu hiệu nào để phân loại?”	- HS trình bày: Cây xanh, nước, hòn đá là đối tượng tự nhiên. Cái bàn, cái ghế, bút chì, áo mưa, điện thoại là sản phẩm công nghệ vì do con người làm ra.

- GV nhận xét, chỉnh sửa các trường hợp HS còn nhầm lẫn và nhắc HS luôn tự hỏi: “Đối tượng này có sẵn trong tự nhiên hay do con người tạo ra?”	- HS lắng nghe, sửa bài nếu cần và nêu lại cách phân biệt bằng lời của mình.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vừa học để liên hệ đồ vật, hiện tượng quen thuộc ở gia đình và hình thành ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu mỗi HS chọn một ví dụ ở nhà và nói theo mẫu: “Ở nhà em có ...; đó là ...; em biết vì ...”.	- HS nêu ví dụ: Ở nhà em có tủ lạnh; đó là sản phẩm công nghệ; em biết vì tủ lạnh do con người làm ra để bảo quản thức ăn. Ở sân nhà em có cây xoài; đó là đối tượng tự nhiên.
- GV mời HS nêu thêm một đối tượng tự nhiên gần nhà hoặc ở sân trường.	- HS nêu: cây phượng, bông hoa, con chim, hòn đá, nước mưa là những đối tượng tự nhiên.
- GV mời HS nêu thêm một sản phẩm công nghệ có trong gia đình hoặc lớp học.	- HS nêu: quạt điện, đèn học, ti vi, tủ lạnh, máy tính, bàn ghế là sản phẩm công nghệ.
- GV hỏi: “Vì sao chúng ta cần sử dụng sản phẩm công nghệ đúng cách?”	- HS trả lời: Vì sử dụng đúng cách giúp đồ dùng bền hơn, an toàn hơn và phục vụ tốt cho học tập, sinh hoạt.
- GV hỏi thêm: “Khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình, em cần làm gì để giữ gìn?”	- HS trả lời: Em dùng đúng cách, không nghịch phá, không tự ý tháo lắp, tắt thiết bị khi không dùng và báo người lớn khi thiết bị hỏng.
- GV kết luận bài học: Tự nhiên và công nghệ đều gắn với cuộc sống hằng ngày. Biết phân biệt hai nhóm đối tượng giúp chúng ta sử dụng, giữ gìn sản phẩm công nghệ phù hợp và biết trân trọng môi trường tự nhiên.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị quan sát thêm các sản phẩm công nghệ trong gia đình cho tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

 -

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 2

Bài 1: Tự nhiên và công nghệ (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình như ti vi, tủ lạnh, máy thu thanh, quạt điện, bóng đèn điện.
- Biết kể tên và nêu tác dụng của một số sản phẩm công nghệ quen thuộc ở nhà, ở trường.
- Có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình; biết nêu việc nên làm và không nên làm khi sử dụng đồ dùng công nghệ.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, đọc gợi ý, suy nghĩ để nêu tác dụng của sản phẩm công nghệ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn về tác dụng, cách giữ gìn đồ dùng và trình bày ý kiến rõ ràng.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết kiểm tra lại dự đoán ban đầu, điều chỉnh câu trả lời khi phát hiện chưa phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia quan sát, thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng đúng cách, giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình và lớp học.

4. Tích hợp: Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS biết kết quả do công cụ số hoặc AI gợi ý cần được kiểm chứng bằng kiến thức đã học và hướng dẫn của GV. Công cụ cụ thể: Google Lens và Gemini do GV thao tác trên máy chiếu để nhận diện hình ảnh sản phẩm công nghệ; HS không tự thao tác, chỉ quan sát, đối chiếu với SGK và nêu kết luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; Hình 2, Hình 3, Hình 4; thẻ từ về tác dụng sản phẩm công nghệ; máy chiếu hoặc màn hình; công cụ nhận diện hình ảnh hoặc trợ lý AI do GV thao tác để minh họa việc cần kiểm chứng thông tin.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu nói sản phẩm công nghệ với tác dụng; tranh hoặc ví dụ về đồ dùng công nghệ ở gia đình.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về sản phẩm công nghệ; tạo tâm thế học tập để HS liên hệ tác dụng của đồ dùng công nghệ trong gia đình. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Gọi nhanh sản phẩm công nghệ”. GV nêu tác dụng, HS đoán tên đồ dùng.	- HS lắng nghe luật chơi và sẵn sàng tham gia.
- GV nêu: “Đồ dùng giúp làm mát căn phòng là gì?”	- HS trả lời: Quạt điện hoặc máy điều hòa giúp làm mát căn phòng.
- GV nêu: “Đồ dùng giúp cất giữ và bảo quản thức ăn là gì?”	- HS trả lời: Tủ lạnh giúp cất giữ và bảo quản thức ăn.
- GV nêu: “Đồ dùng giúp cả nhà xem chương trình giải trí, học tập là gì?”	- HS trả lời: Ti vi giúp xem chương trình giải trí, học tập.
- GV hỏi: “Những đồ dùng trên có phải sản phẩm công nghệ không? Vì sao?”	- HS trả lời: Có. Vì chúng do con người làm ra để phục vụ cuộc sống.
- GV nhận xét và dẫn vào bài: “Tiết trước	- HS lắng nghe, nhắc lại tên bài học.

chúng ta đã phân biệt đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu tác dụng và cách giữ gìn một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.”

2. KHÁM PHÁ: Tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình (15 phút)

Mục tiêu: HS quan sát Hình 2, gọi tên sản phẩm công nghệ và nêu được tác dụng phù hợp của từng sản phẩm trong gia đình.

Mục tiêu tích hợp: AI 3.A3.1: HS biết kết quả do Google Lens hoặc Gemini gợi ý chỉ là thông tin tham khảo; cần kiểm chứng bằng tranh SGK, kiến thức đã học và hướng dẫn của GV trước khi trả lời.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 trong SGK và gọi tên các sản phẩm công nghệ có trong hình.



- HS quan sát Hình 2 và gọi tên: ti vi, tủ lạnh, máy thu thanh, quạt điện, bóng đèn điện.

- GV hỏi: “Ti vi trong hình có tác dụng gì đối với gia đình?”

- HS trả lời: Ti vi giúp gia đình xem chương trình giải trí, học tập và biết thêm thông tin.

- GV hỏi: “Tủ lạnh được dùng để làm gì?”

- HS trả lời: Tủ lạnh dùng để cất giữ và bảo quản thực phẩm.

- GV hỏi: “Máy thu thanh và quạt điện có tác dụng gì?”

- HS trả lời: Máy thu thanh dùng để nghe tin tức, chương trình giải trí. Quạt điện dùng để làm mát.

- GV diễn giải tích hợp AI: GV mở Google Lens hoặc Gemini trên máy chiếu, đưa lần lượt hình ti vi, tủ lạnh, máy thu thanh, quạt điện để công cụ gợi ý tên hoặc tác dụng. GV giải thích cho HS hiểu: công cụ số có thể giúp nhận diện nhanh hình ảnh, nhưng kết quả có

- HS quan sát cách GV thao tác trên Google Lens hoặc Gemini, lắng nghe giải thích, đối chiếu gợi ý của công cụ với tranh SGK và nêu lại bằng lời của mình.

<p>lúc chưa đầy đủ hoặc chưa đúng với bài học. Vì vậy, các em không trả lời theo công cụ ngay mà phải nhìn lại Hình 2 trong SGK, nhớ tác dụng đã học, nghe câu hỏi của GV và tự nói bằng lời của mình.</p>	
<p>- GV kết luận: Một số sản phẩm công nghệ trong gia đình thường được dùng để phục vụ nhu cầu ăn, mặc, nghỉ ngơi, học tập và giải trí của con người.</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại nội dung chính.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: Giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình (10 phút) Mục tiêu: HS nhận biết hành động có thể làm hỏng đồ dùng và nêu được một số cách giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 3 và Hình 4 trong SGK, thảo luận: “Hành động nào có thể làm hỏng đồ vật trong nhà?”</p> <p><small>Hành động nào có thể làm hỏng đồ vật trong nhà?</small></p> <div data-bbox="295 902 531 1059">  <p>Hình 3</p> </div> <div data-bbox="547 902 783 1059">  <p>Hình 4</p> </div>	<p>- HS quan sát tranh, thảo luận với bạn và chuẩn bị trả lời.</p>
<p>- GV hỏi: “Trong Hình 3, bạn nhỏ đang làm gì? Việc đó có thể gây hậu quả gì?”</p>	<p>- HS trả lời: Bạn nhỏ đá bóng trong nhà, bóng có thể làm vỡ đồ vật hoặc làm hỏng tivi, quạt điện.</p>
<p>- GV hỏi: “Trong Hình 4, người lớn và bạn nhỏ đang làm gì? Việc đó thể hiện điều gì?”</p>	<p>- HS trả lời: Người lớn lau quạt, bạn nhỏ lau giày dép. Việc đó thể hiện biết giữ gìn đồ dùng trong gia đình.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nêu ít nhất hai việc nên làm để giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.</p>	<p>- HS nêu: Sử dụng đúng cách, lau chùi khi cần thiết, không ném đồ vào thiết bị, không tự ý tháo lắp, tắt thiết bị khi không dùng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nêu ít nhất hai việc không nên làm khi sử dụng sản phẩm công nghệ.</p>	<p>- HS nêu: Không đá bóng gần tivi, không nghịch dây điện, không đổ nước vào thiết bị, không dùng tay ướt chạm vào đồ điện.</p>
<p>- GV nhận xét và kết luận: Giữ gìn sản phẩm công nghệ giúp đồ dùng bền hơn, an toàn hơn và phục vụ tốt hơn cho sinh hoạt của gia đình.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại cách giữ gìn sản phẩm công nghệ.</p>
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để kể tên, nêu tác dụng và cách giữ gìn một số sản phẩm công nghệ có trong nhà em.</p>	

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nói theo mẫu: “Ở nhà em có ...; đồ dùng đó có tác dụng ...; em giữ gìn bằng cách ...”.	- HS nói theo mẫu: Ở nhà em có quạt điện; quạt điện giúp làm mát; em giữ gìn bằng cách tắt quạt khi không dùng và không cho tay vào lồng quạt.
- GV mời HS nêu sản phẩm công nghệ giúp học tập hoặc giải trí trong gia đình.	- HS nêu: Đèn học giúp chiếu sáng khi học bài; ti vi giúp xem chương trình học tập và giải trí phù hợp.
- GV mời HS nêu sản phẩm công nghệ giúp bảo quản hoặc chế biến thức ăn.	- HS nêu: Tủ lạnh giúp bảo quản thức ăn; nồi cơm điện giúp nấu cơm; bếp điện giúp nấu thức ăn.
- GV hỏi: “Khi ở nhà gặp một sản phẩm công nghệ chưa biết rõ tác dụng, em cần làm gì để sử dụng đúng và an toàn?”	- HS trả lời: Em cần quan sát kỹ, hỏi người lớn, đọc hướng dẫn nếu có và không tự ý sử dụng khi chưa biết cách dùng.
- GV yêu cầu HS về nhà quan sát 3 sản phẩm công nghệ và nói với người thân tác dụng, cách giữ gìn từng sản phẩm.	- HS nhận nhiệm vụ và ghi nhớ cách thực hiện ở nhà.
- GV kết luận bài học: Sản phẩm công nghệ giúp cuộc sống thuận tiện hơn. Mỗi HS cần biết nêu đúng tác dụng, sử dụng đúng cách và giữ gìn đồ dùng trong gia đình.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

.....

-

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3**TUẦN 3****Bài 2: Sử dụng đèn học (Tiết 1)***Thời gian thực hiện: 1 tiết***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù**

- Nêu được tác dụng của đèn học đối với việc học tập và bảo vệ mắt.
- Nhận biết được một số loại đèn học thông dụng qua hình dạng, màu sắc và cách sử dụng.
- Nêu và gọi tên được một số bộ phận chính của đèn học như bóng đèn, chụp đèn, thân đèn, đế đèn, công tắc và dây nguồn.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát hình ảnh, đọc tên bộ phận và hoàn thành nhiệm vụ nhận biết đèn học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn, trình bày ý kiến, lắng nghe và bổ sung câu trả lời.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ quy tắc an toàn khi quan sát, sử dụng thiết bị điện gần gũi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, gọi tên bộ phận và tham gia thảo luận trong giờ học.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng đèn học đúng mục đích, đúng hướng dẫn và bảo đảm an toàn.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 4.1.CB1b: HS nhận biết việc sử dụng thiết bị điện cần đúng mục đích, đúng hướng dẫn và bảo đảm an toàn. Công cụ cụ thể: video an toàn điện trên YouTube Kids do GV chọn, tải/mở sẵn và trình chiếu trên máy chiếu; HS chỉ quan sát, không tự tìm kiếm hoặc bấm vào nội dung lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 1, Hình 2, Hình 3; một số hình ảnh đèn học; video an toàn điện trên YouTube Kids do GV chọn; máy chiếu hoặc màn hình; thẻ tên bộ phận đèn học.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu gọi tên bộ phận chính của đèn học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; giúp HS liên hệ nhu cầu dùng đèn học khi đọc sách, viết bài ở nhà. *Cách tiến hành:	
- GV đặt tình huống: “Buổi tối, khi ngồi học bài, em cần dùng đồ vật nào để nhìn rõ sách vở hơn?”	- HS trả lời: Em cần dùng đèn học hoặc bật đèn để nhìn rõ sách vở.
- GV hỏi: “Đèn học giúp ích gì cho việc học tập của em?”	- HS trả lời: Đèn học giúp chiếu sáng chỗ học, giúp em đọc sách, viết bài rõ hơn.
- GV hỏi: “Nếu ngồi học ở nơi thiếu ánh sáng, mắt em có thể bị ảnh hưởng như thế nào?”	- HS trả lời: Mắt có thể bị mỏi, khó nhìn rõ chữ và ảnh hưởng đến thị lực.
- GV mời HS chia sẻ: “Ở nhà em có loại đèn học nào? Màu sắc, hình dạng ra sao?”	- HS chia sẻ: Đèn học của em có chụp đèn, thân đèn, đế đèn; có loại màu trắng, xanh, hồng hoặc vàng.
- GV nhận xét và giới thiệu: Đèn học là sản phẩm công nghệ gần gũi, hỗ trợ học tập và cần được sử dụng đúng cách.	- HS lắng nghe và liên hệ với đồ dùng học tập của bản thân.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tìm hiểu tác dụng, một số loại và các bộ phận chính của đèn học.”	- HS nhắc lại tên bài: Sử dụng đèn học.
2. KHÁM PHÁ: Tác dụng và một số loại đèn học (10 phút) Mục tiêu: HS nêu được tác dụng của đèn học và nhận biết được một số loại đèn học thông dụng. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1 trong SGK và cho biết bạn nhỏ đang sử dụng đèn học để làm gì.	- HS quan sát Hình 1 và trả lời: Bạn nhỏ dùng đèn học để đọc sách, học bài hoặc làm bài.

	
<p>- GV hỏi: “Đèn học cung cấp ánh sáng cho khu vực nào?”</p>	<p>- HS trả lời: Đèn học cung cấp ánh sáng cho bàn học hoặc khu vực em đang học tập.</p>
<p>- GV kết luận ngắn: Đèn học cung cấp ánh sáng hỗ trợ việc học tập và giúp bảo vệ mắt khi sử dụng đúng cách.</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại tác dụng của đèn học.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 và nêu các loại đèn học có trong hình.</p> 	<p>- HS quan sát Hình 2 và nêu: Có nhiều loại đèn học khác nhau về kiểu dáng, màu sắc, cách bật tắt.</p>
<p>- GV hỏi: “Nếu được chọn một chiếc đèn học trong Hình 2, em sẽ chọn chiếc nào? Vì sao?”</p>	<p>- HS trả lời theo ý thích: Em chọn chiếc đèn có ánh sáng vừa phải, dễ điều chỉnh, phù hợp với bàn học của em.</p>
<p>- GV nhận xét: Khi chọn đèn học, cần chú ý đèn chiếu sáng phù hợp, dễ sử dụng, an toàn và phù hợp góc học tập.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu có.</p>
<p>3. KHÁM PHÁ: Một số bộ phận chính của đèn học (15 phút) Mục tiêu: HS quan sát Hình 3, gọi tên được các bộ phận chính của đèn học và nêu được tác dụng cơ bản của một số bộ phận. Mục tiêu tích hợp: NLS 4.1.CB1b: HS nhận biết sử dụng thiết bị điện cần đúng mục đích, đúng hướng dẫn và đảm bảo an toàn; biết xem nguồn video do GV lựa chọn để rút ra quy tắc sử dụng đèn học. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 3 trong SGK và đọc các thẻ tên bộ phận của đèn học.</p> 	<p>- HS quan sát Hình 3 và đọc: chụp đèn, công tắc, dây nguồn, bóng đèn, thân đèn, đế đèn.</p>

- GV hỏi: “Bóng đèn có tác dụng gì?”	- HS trả lời: Bóng đèn phát ra ánh sáng.
- GV hỏi: “Chụp đèn và thân đèn có tác dụng gì?”	- HS trả lời: Chụp đèn bảo vệ bóng đèn, tập trung ánh sáng và chống mờ mắt. Thân đèn giúp điều chỉnh hướng chiếu sáng.
- GV hỏi: “Đế đèn, công tắc và dây nguồn có tác dụng gì?”	- HS trả lời: Đế đèn giữ đèn đứng vững. Công tắc dùng để bật, tắt đèn. Dây nguồn nối đèn với nguồn điện.
- GV diễn giải tích hợp NLS: GV giới thiệu công cụ số được dùng là YouTube Kids, video an toàn điện đã được GV chọn trước và mở sẵn trên máy chiếu. GV hướng dẫn HS xem video có mục đích: chỉ tập trung vào hành động nên làm và không nên làm khi dùng thiết bị điện; không tự tìm kiếm video khác, không bấm vào quảng cáo hoặc đường dẫn lạ. GV giải thích cho HS hiểu rằng công cụ số giúp các em quan sát tình huống rõ hơn, nhưng quy tắc an toàn vẫn phải dựa vào bài học, lời hướng dẫn của GV và sự hỗ trợ của người lớn.	- HS quan sát video do GV trình chiếu, ghi nhớ hành động an toàn, không tự ý tìm kiếm hoặc bấm vào nội dung khác; sau đó nêu quy tắc sử dụng đèn học an toàn.
- GV kết luận: Đèn học có các bộ phận chính như bóng đèn, chụp đèn, thân đèn, đế đèn, công tắc và dây nguồn. Khi dùng thiết bị điện, cần dùng đúng mục đích, đúng hướng dẫn, không nghịch dây điện và báo người lớn khi thấy dấu hiệu bất thường.	- HS lắng nghe, nhắc lại tên các bộ phận chính và một quy tắc an toàn.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để nhận biết đèn học trong thực tế, nêu bộ phận chính và một quy tắc sử dụng an toàn. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Chỉ nhanh - gọi đúng”. GV chỉ vào tranh đèn học hoặc vật thật, HS gọi tên bộ phận.	- HS gọi tên bộ phận: bóng đèn, chụp đèn, thân đèn, đế đèn, công tắc, dây nguồn.
- GV yêu cầu HS chọn một bộ phận và nói tác dụng của bộ phận đó.	- HS nêu: Công tắc dùng để bật, tắt đèn; thân đèn giúp điều chỉnh hướng chiếu sáng; đế đèn giúp đèn đứng vững.
- GV hỏi: “Khi thấy dây nguồn của đèn bị hở hoặc đèn phát ra tiếng lạ, em cần làm gì?”	- HS trả lời: Em tắt đèn nếu an toàn, không chạm vào dây hở và báo ngay với người lớn hoặc GV.
- GV yêu cầu HS nêu một việc nên làm	- HS nêu: Đặt đèn ở vị trí chắc chắn,

để dùng đèn học an toàn.	bật tắt bằng công tắc, không nghịch dây điện, không tháo bóng đèn.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Quan sát đèn học của em, gọi tên các bộ phận và chia sẻ với người thân cách sử dụng an toàn.	- HS nhận nhiệm vụ và ghi nhớ cách thực hiện.
- GV kết luận bài học: Đèn học giúp việc học tập thuận lợi hơn. Biết tên bộ phận và tác dụng của từng bộ phận giúp chúng ta sử dụng đèn học đúng cách, an toàn.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

 -

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 4

Bài 2: Sử dụng đèn học (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được vị trí đặt đèn, biết bật đèn, điều chỉnh độ sáng và hướng chiếu sáng của đèn học.
- Sắp xếp được các bước sử dụng đèn học đúng cách và an toàn.
- Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, thực hành theo hướng dẫn và điều chỉnh thao tác khi sử dụng đèn học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn về các bước sử dụng đèn học và tình huống mất an toàn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xử lý tình huống khi đèn học đặt sai vị trí, chiếu thẳng vào mắt hoặc có dấu hiệu mất an toàn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực thực hành, sắp xếp bước sử dụng và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng đèn học đúng cách, tiết kiệm điện và báo người lớn khi gặp tình huống nguy hiểm.

4. Tích hợp: Tích hợp KNS: HS thực hành đặt đèn đúng vị trí, điều chỉnh hướng chiếu sáng phù hợp và tắt đèn khi không sử dụng để bảo đảm an toàn điện. Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.1: HS làm quen ý tưởng đèn học thông minh có thể tự bật, tắt nhờ cảm biến ánh sáng. Công cụ cụ thể: đèn học thật/mô hình để thực hành KNS; PowerPoint hoặc Canva do GV thiết kế để mô phỏng cảm biến ánh sáng và lệnh bật/tắt đèn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; Hình 4, Hình 5; đèn học thật hoặc mô hình; thẻ các bước sử dụng đèn học; máy chiếu; tranh minh họa ý tưởng cảm biến ánh sáng.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu sắp xếp bước sử dụng đèn học; bảng kiểm việc nên làm và không nên làm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại tác dụng, bộ phận chính của đèn học; tạo tình huống để HS nhận ra cần sử dụng đèn học đúng cách và an toàn. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Đúng hay sai”. GV nêu câu: “Đèn học chỉ cần bật lên là dùng được, đặt ở đâu cũng được.”	- HS trả lời: Sai. Đèn học cần đặt ở vị trí phù hợp, ánh sáng không chiếu thẳng vào mắt.
- GV hỏi: “Khi học bài buổi tối, em thường đặt đèn ở vị trí nào?”	- HS trả lời theo thực tế: Em đặt đèn trên bàn học, bên cạnh vở, không để đèn quá gần mắt.
- GV hỏi: “Sau khi học xong, em cần làm gì với đèn học?”	- HS trả lời: Em cần tắt đèn khi không sử dụng.
- GV yêu cầu HS nhắc lại một bộ phận của đèn học đã học ở tiết trước.	- HS nêu: bóng đèn, chụp đèn, thân đèn, đế đèn, công tắc, dây nguồn.
- GV nêu vấn đề: “Muốn dùng đèn học đúng cách và an toàn, chúng ta cần thực hiện theo các bước nào?”	- HS suy nghĩ, nêu dự đoán: Đặt đèn, bật đèn, điều chỉnh ánh sáng, tắt đèn khi dùng xong.
- GV dẫn vào bài: “Tiết này chúng ta thực hành cách sử dụng đèn học đúng cách và nhận biết tình huống mất an toàn.”	- HS lắng nghe, nhắc lại nhiệm vụ học tập.
2. KHÁM PHÁ, THỰC HÀNH: Sử dụng đèn học đúng cách và an toàn (15 phút) Mục tiêu: HS sắp xếp được các bước sử dụng đèn học và thực hành được thao tác cơ bản theo hướng dẫn. Mục tiêu tích hợp: KNS: HS thực hành đặt đèn đúng vị trí, điều chỉnh hướng chiếu sáng phù hợp và tắt đèn khi không sử dụng để bảo đảm an toàn điện. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát Hình 4 trong SGK và nêu các việc bạn nhỏ đang làm khi sử dụng đèn học.	- HS quan sát Hình 4 và nêu: đặt đèn ở vị trí phù hợp, bật đèn, điều chỉnh độ cao, độ sáng và hướng chiếu sáng, tắt đèn khi không sử dụng.
 <p>a) Đặt đèn ở vị trí phù hợp</p> <p>b) Tắt đèn khi không sử dụng</p> <p>c) Điều chỉnh độ cao, độ sáng và hướng chiếu sáng của đèn</p> <p>d) Bật đèn</p> <p>Hình 4</p>	

- GV yêu cầu HS sắp xếp các tranh trong Hình 4 theo thứ tự hợp lí khi sử dụng đèn học.	- HS sắp xếp: Bước 1 đặt đèn ở vị trí phù hợp; bước 2 bật đèn; bước 3 điều chỉnh độ cao, độ sáng và hướng chiếu sáng; bước 4 tắt đèn khi không sử dụng.
- GV hướng dẫn HS thực hành với đèn học thật hoặc mô hình: đặt đèn trên mặt bàn bằng phẳng, chắc chắn.	- HS thực hành đặt đèn đúng vị trí, giữ khoảng cách phù hợp với sách vở và mắt.
- GV hướng dẫn HS bật đèn bằng công tắc, không kéo dây nguồn, không dùng tay ướt chạm vào công tắc.	- HS thực hành mô phỏng thao tác bật đèn an toàn và nhắc lại quy tắc không dùng tay ướt chạm thiết bị điện.
- GV hướng dẫn HS điều chỉnh hướng chiếu sáng: ánh sáng chiếu vào sách vở, không chiếu trực tiếp vào mắt.	- HS điều chỉnh hướng chiếu sáng theo hướng dẫn và nhận xét vị trí chiếu sáng phù hợp.
- GV kết luận: Các bước sử dụng đèn học gồm đặt đèn đúng vị trí, bật đèn, điều chỉnh độ cao, độ sáng, hướng chiếu sáng và tắt đèn khi không sử dụng.	- HS nhắc lại các bước sử dụng đèn học đúng cách và an toàn.
3. LUYỆN TẬP: Nhận biết tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn học (10 phút) Mục tiêu: HS nhận biết được một số tình huống sử dụng đèn học mất an toàn và nêu được cách xử lí phù hợp. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát Hình 5 trong SGK và cho biết vì sao các tình huống đó là mất an toàn. 	- HS quan sát Hình 5, thảo luận và nêu nhận xét từng tình huống.
- GV hỏi: “Vì sao không nên đặt đèn trên mặt bàn bị ướt?”	- HS trả lời: Vì nước có thể gây nguy hiểm khi dùng điện, làm đèn hỏng hoặc gây mất an toàn.
- GV hỏi: “Vì sao không được tắt đèn bằng cách giật dây nguồn?”	- HS trả lời: Vì giật dây nguồn có thể làm hỏng dây, hỏng ổ cắm và gây nguy hiểm điện.
- GV hỏi: “Vì sao không được sờ tay vào	- HS trả lời: Vì bóng đèn đang sáng có

bóng đèn đang sáng?”	thể nóng, dễ gây bỏng hoặc nguy hiểm.
- GV hỏi: “Vì sao không nên để ánh sáng đèn chiếu trực tiếp vào mắt?”	- HS trả lời: Vì ánh sáng chiếu trực tiếp vào mắt có thể làm chói, mỏi mắt và ảnh hưởng thị lực.
- GV nhận xét và kết luận: Khi ánh sáng của đèn học nhấp nháy hoặc không sáng rõ, em cần nói với người lớn trong gia đình để bảo đảm an toàn.	- HS lắng nghe, nhắc lại cách xử lý khi đèn học có dấu hiệu bất thường.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để xây dựng quy tắc sử dụng đèn học an toàn và liên hệ ý tưởng đèn học thông minh. Mục tiêu tích hợp: AI 3.C5.1: HS làm quen ý tưởng đèn học thông minh có thể tự bật, tắt nhờ cảm biến ánh sáng; hiểu công nghệ thông minh chỉ hỗ trợ con người, người dùng vẫn phải kiểm tra và sử dụng thiết bị an toàn. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn: “Hình dáng và màu sắc của chiếc đèn học mà em yêu thích.”	- HS chia sẻ: Em thích đèn học có thân đèn điều chỉnh được, ánh sáng dịu, màu xanh/trắng/hồng.
- GV yêu cầu HS nêu cách sử dụng đèn học đúng cách và an toàn ở nhà.	- HS nêu: Đặt đèn chắc chắn, bật tắt bằng công tắc, điều chỉnh hướng sáng vào vở, tắt đèn khi không dùng.
- GV sử dụng PowerPoint hoặc Canva trình chiếu mô phỏng “đèn học thông minh”: màn hình lần lượt hiện thể Trời tối, Trời sáng, Bạn đã học xong; GV yêu cầu HS đóng vai cảm biến ánh sáng và đưa ra lệnh bật hoặc tắt đèn phù hợp.	- HS quan sát mô phỏng trên PowerPoint hoặc Canva, đóng vai cảm biến ánh sáng: trời tối thì bật đèn; trời sáng hoặc đã học xong thì tắt đèn.
- GV diễn giải tích hợp AI: GV giải thích cảm biến ánh sáng giống như “mắt quan sát” của thiết bị, giúp đèn nhận biết môi trường sáng hay tối để tự bật hoặc tắt. Một số thiết bị thông minh có thể dùng cảm biến và chương trình điều khiển để hỗ trợ con người tiết kiệm điện. Tuy nhiên, HS không tự tháo lắp đèn, không thử với dây điện thật; khi dùng đèn học ở nhà vẫn phải đặt đúng vị trí, bật tắt an toàn và nhờ người lớn hỗ trợ khi đèn có dấu hiệu bất thường.	- HS lắng nghe giải thích, nêu điểm giống và khác giữa đèn học thông thường với đèn học thông minh, đồng thời nhắc lại không tự ý tháo lắp hoặc thử nghiệm với điện thật.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Cùng người thân kiểm tra vị trí đặt đèn học và nhắc nhau tắt đèn khi không sử dụng.	- HS nhận nhiệm vụ, ghi nhớ việc thực hiện ở nhà.
- GV kết luận bài học: Sử dụng đèn học đúng cách giúp học tập hiệu quả, bảo vệ	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

mất, bảo đảm an toàn điện và tiết kiệm năng lượng.	
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 5

Bài 3: Sử dụng quạt điện (Tiết 1)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được tác dụng của quạt điện là tạo ra gió, giúp làm mát trong sinh hoạt hằng ngày.
- Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng như quạt hộp, quạt trần, quạt bàn, quạt treo tường.
- Mô tả được một số bộ phận chính của quạt điện như cánh quạt, lồng quạt, hộp động cơ quạt, thân quạt, đế quạt, bộ phận điều khiển và dây nguồn.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát hình trong SGK, đọc thẻ tên, xác định loại quạt và bộ phận chính của quạt điện.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn để gọi tên bộ phận, nêu tác dụng và bổ sung câu trả lời cho nhau.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ cấu tạo của quạt với cách sử dụng đúng mục đích, an toàn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ gọi tên loại quạt và bộ phận quạt điện.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng quạt điện đúng cách, không nghịch quạt và biết giữ gìn thiết bị điện trong gia đình.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 4.1.CB1b: HS nhận biết các bộ phận chính của quạt điện và nguy cơ mất an toàn nếu sử dụng sai cách. Công cụ cụ thể: Canva dùng để hiển thị sơ đồ bộ phận của quạt, GV thao tác trên màn hình để phóng to, khoanh vùng từng bộ phận và nhắc quy tắc an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 1, Hình 2, Hình 3; một quạt điện thật hoặc mô hình; thẻ tên các loại quạt và bộ phận quạt điện; bài trình chiếu Canva về sơ đồ bộ phận quạt điện; máy chiếu hoặc màn hình.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu nối loại quạt với tên gọi và phiếu gọi tên bộ phận chính của quạt điện.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; giúp HS liên hệ nhu cầu sử dụng quạt điện khi thời tiết nóng và gọi tên sản phẩm công nghệ quen thuộc. *Cách tiến hành:	

<p>- GV cho HS quan sát tranh khởi động trong SGK và hỏi: “Bạn nhỏ đang gặp khó khăn gì?”</p>	<p>- HS quan sát tranh và trả lời: Bạn nhỏ thấy trời nóng quá và chưa biết dùng quạt điện.</p>
<p>- GV hỏi: “Khi trời nóng, gia đình em thường dùng đồ dùng nào để làm mát?”</p>	<p>- HS trả lời: Gia đình em thường dùng quạt điện, quạt trần hoặc máy điều hòa để làm mát.</p>
<p>- GV hỏi: “Quạt điện có phải là sản phẩm công nghệ không? Vì sao?”</p>	<p>- HS trả lời: Quạt điện là sản phẩm công nghệ vì do con người làm ra để phục vụ cuộc sống.</p>
<p>- GV yêu cầu HS kể tên một loại quạt điện mà em đã nhìn thấy ở nhà hoặc ở trường.</p>	<p>- HS kể: quạt bàn, quạt trần, quạt treo tường, quạt hộp, quạt cây.</p>
<p>- GV nhận xét các câu trả lời và nhắc HS: Quạt điện là thiết bị điện nên cần sử dụng đúng cách, không nghịch phá.</p>	<p>- HS lắng nghe và nêu lại: Khi dùng quạt điện cần an toàn, không nghịch phá.</p>
<p>- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tìm hiểu tác dụng, một số loại và bộ phận chính của quạt điện.”</p>	<p>- HS nhắc lại tên bài: Sử dụng quạt điện.</p>
<p>2. KHÁM PHÁ: Tác dụng và một số loại quạt điện (10 phút) Mục tiêu: HS nêu được tác dụng của quạt điện và nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1 và cho biết bạn nhỏ đang sử dụng quạt điện để làm gì.</p>	<p>- HS quan sát Hình 1 và trả lời: Bạn nhỏ dùng quạt điện để tạo gió, làm mát.</p>
<p>- GV hỏi: “Quạt điện có tác dụng gì trong gia đình và lớp học?”</p>	<p>- HS trả lời: Quạt điện tạo ra gió, giúp làm mát, giúp mọi người dễ chịu hơn khi thời tiết nóng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2, đọc các thẻ tên và tìm loại quạt tương ứng với từng hình.</p>	<p>- HS quan sát Hình 2 và nêu: quạt trần, quạt bàn, quạt treo tường, quạt hộp.</p>
<p>- GV hỏi: “Quạt trần thường được lắp ở</p>	<p>- HS trả lời: Quạt trần thường lắp</p>

đâu? Quạt bàn thường đặt ở đâu?”	trên trần nhà; quạt bàn thường đặt trên bàn hoặc mặt phẳng chắc chắn.
- GV hỏi: “Quạt hộp và quạt treo tường được dùng trong trường hợp nào?”	- HS trả lời: Quạt hộp có thể đặt dưới sàn hoặc trên mặt phẳng; quạt treo tường được gắn trên tường để tiết kiệm chỗ.
- GV kết luận: Quạt điện tạo ra gió, giúp làm mát. Quạt điện có nhiều loại với kiểu dáng khác nhau, cần chọn và dùng phù hợp nơi sử dụng.	- HS lắng nghe, nhắc lại tác dụng và kể tên các loại quạt điện thông dụng.

3. KHÁM PHÁ: Một số bộ phận chính của quạt điện (15 phút)

Mục tiêu: HS quan sát Hình 3, gọi tên được các bộ phận chính của quạt điện và nêu được tác dụng cơ bản của một số bộ phận.

Mục tiêu tích hợp: NLS 4.1.CB1b: HS nhận biết các bộ phận chính của quạt điện và nguy cơ mất an toàn nếu sử dụng sai cách qua sơ đồ Canva do GV trình chiếu.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 3 trong SGK và đọc các thẻ tên bộ phận của quạt điện.



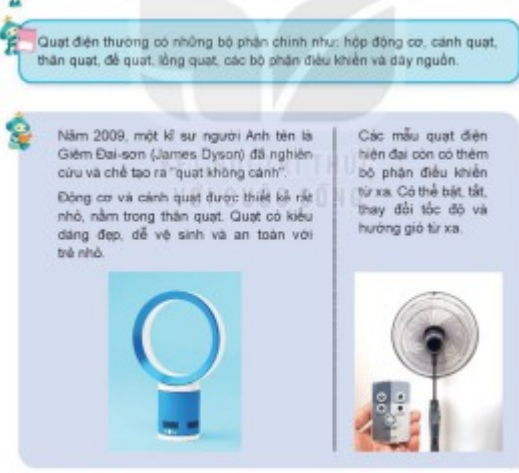
- HS quan sát Hình 3 và đọc: cánh quạt, lồng quạt, hộp động cơ quạt, thân quạt, đế quạt, tuốc nơng, các nút điều khiển, dây nguồn.

- GV mở sơ đồ quạt điện trên Canva, phóng to từng vị trí và hướng dẫn HS quan sát theo thứ tự từ ngoài vào trong: lồng quạt, cánh quạt, hộp động cơ, thân quạt, đế quạt, bộ phận điều khiển, dây nguồn.

- HS quan sát sơ đồ trên màn hình, chỉ vào hình trong SGK và gọi tên bộ phận tương ứng.

- GV giải thích: Canva chỉ là công cụ số để phóng to hình và giúp cả lớp nhìn rõ bộ phận quạt. Khi học trên hình, HS không tự ý tháo quạt thật, không chạm vào cánh quạt hoặc dây nguồn để tránh nguy hiểm.

- HS lắng nghe và nhắc lại: Em quan sát trên hình, không tự tháo quạt, không chạm vào bộ phận điện.

- GV hỏi: “Cánh quạt và lồng quạt có tác dụng gì?”	- HS trả lời: Cánh quạt tạo ra gió. Lồng quạt bảo vệ cánh quạt và bảo vệ người sử dụng.
- GV hỏi: “Các nút điều khiển, dây nguồn và đế quạt có tác dụng gì?”	- HS trả lời: Các nút điều khiển dùng để bật, tắt, điều chỉnh tốc độ; dây nguồn nối quạt với nguồn điện; đế quạt giúp quạt đứng vững.
- GV kết luận: Quạt điện thường có các bộ phận chính như hộp động cơ, cánh quạt, thân quạt, đế quạt, lồng quạt, bộ phận điều khiển và dây nguồn. Mỗi bộ phận đều có tác dụng riêng nên cần sử dụng đúng cách, không nghịch phá.	- HS lắng nghe, nhắc lại tên một số bộ phận chính và tác dụng của chúng.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để gọi tên loại quạt, bộ phận quạt điện và nêu quy tắc quan sát, sử dụng quạt an toàn. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”. GV giao thẻ tên bộ phận, HS chỉ vào hình quạt điện tương ứng.	- HS tham gia trò chơi, chỉ đúng vị trí bộ phận trên tranh hoặc mô hình.
- GV yêu cầu HS chọn một bộ phận của quạt điện và nói tác dụng của bộ phận đó.	- HS nêu: Lồng quạt bảo vệ cánh quạt; cánh quạt tạo gió; đế quạt giữ quạt đứng vững; dây nguồn nối quạt với nguồn điện.
- GV cho HS quan sát thêm mục “Thông tin cho em” và hỏi: “Quạt điện hiện đại có thể có thêm bộ phận nào?”	- HS trả lời: Có thể có bộ phận điều khiển từ xa, có thể bật, tắt, thay đổi tốc độ và hướng gió từ xa.
 <p>Quạt điện thường có những bộ phận chính như: hộp động cơ, cánh quạt, thân quạt, đế quạt, lồng quạt, các bộ phận điều khiển và dây nguồn.</p> <p>Năm 2009, một kĩ sư người Anh tên là Giêm Đai-son (James Dyson) đã nghiên cứu và chế tạo ra “quạt không cánh”.</p> <p>Động cơ và cánh quạt được thiết kế rất nhỏ, nằm trong thân quạt. Quạt có kiểu dáng đẹp, dễ vệ sinh và an toàn với trẻ nhỏ.</p> <p>Các mẫu quạt điện hiện đại còn có thêm bộ phận điều khiển từ xa. Có thể bật, tắt, thay đổi tốc độ và hướng gió từ xa.</p>	
- GV hỏi: “Khi nhìn thấy quạt đang quay, em có được đưa tay vào lồng quạt không? Vì sao?”	- HS trả lời: Không được đưa tay vào lồng quạt vì cánh quạt đang quay có thể gây đau, bị thương và mất an toàn.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Quan sát một chiếc quạt điện trong gia đình, gọi tên ít nhất ba bộ phận và nói với người thân cách	- HS nhận nhiệm vụ và ghi nhớ cách thực hiện ở nhà.

sử dụng an toàn.	
- GV kết luận bài học: Quạt điện giúp làm mát, có nhiều loại và nhiều bộ phận. Biết gọi tên bộ phận giúp chúng ta sử dụng quạt đúng mục đích, an toàn hơn.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 6

Bài 3: Sử dụng quạt điện (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Xác định được vị trí đặt quạt phù hợp, biết bật, tắt và điều chỉnh tốc độ quạt theo nhu cầu sử dụng.
- Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.
- Nêu được các bước sử dụng quạt điện đúng cách và an toàn trong gia đình, lớp học.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, sắp xếp các bước sử dụng quạt điện và ghi nhớ quy tắc an toàn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận với bạn để giải thích tình huống mất an toàn và trình bày cách xử lý phù hợp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách dùng quạt an toàn, tiết kiệm; liên hệ ý tưởng quạt thông minh trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực thực hành, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp các bước sử dụng quạt điện.
- Trách nhiệm: Có ý thức bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác khi sử dụng quạt điện; biết tắt quạt khi không dùng.

4. Tích hợp: Tích hợp KNS: HS biết đặt quạt ở vị trí bằng phẳng, không cho tay hoặc vật lạ vào lồng quạt, tắt quạt khi không sử dụng để bảo đảm an toàn.

4. Tích hợp: Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.1: HS biết một số quạt thông minh có thể cảm nhận nhiệt độ phòng để điều chỉnh tốc độ gió. Công cụ cụ thể: GV dùng mô phỏng trên Canva hoặc Google Slides để cho HS quan sát tình huống quạt tự đổi tốc độ khi phòng nóng hoặc mát hơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 4, Hình 5; quạt điện thật hoặc mô hình; thẻ bước sử dụng quạt điện; bài mô phỏng quạt thông minh trên Canva hoặc Google Slides; máy chiếu hoặc màn hình.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu sắp xếp các bước sử dụng quạt điện và phiếu nhận biết tình huống mất an toàn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)	
Mục tiêu: Ôn lại tác dụng và bộ phận chính của quạt điện; tạo tâm thế để HS tìm	

hiểu cách sử dụng quạt đúng cách, an toàn.

***Cách tiến hành:**

- GV tổ chức trò chơi “Đúng hay sai”. GV nêu: “Quạt điện tạo ra gió, giúp làm mát.”	- HS trả lời: Đúng.
- GV nêu: “Lồng quạt dùng để bảo vệ cánh quạt và bảo vệ người sử dụng.”	- HS trả lời: Đúng.
- GV nêu: “Có thể đưa bút chì vào lồng quạt để kiểm tra quạt đang quay nhanh hay chậm.”	- HS trả lời: Sai. Việc đó rất nguy hiểm và có thể làm hỏng quạt.
- GV hỏi: “Muốn dùng quạt an toàn, trước hết cần đặt quạt ở đâu?”	- HS trả lời: Cần đặt quạt trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn, khô ráo.
- GV nhận xét và liên hệ: Biết tên bộ phận chưa đủ, chúng ta cần biết cách sử dụng quạt đúng quy trình.	- HS lắng nghe và chuẩn bị tìm hiểu cách sử dụng quạt điện.
- GV dẫn vào bài: “Tiết này chúng ta thực hành sử dụng quạt điện đúng cách và an toàn.”	- HS nhắc lại nhiệm vụ của tiết học.

2. KHÁM PHÁ: Các bước sử dụng quạt điện đúng cách (15 phút)

Mục tiêu: HS sắp xếp được các bước sử dụng quạt điện và thực hành mô phỏng thao tác đặt quạt, bật quạt, điều chỉnh hướng gió, tắt quạt.

Mục tiêu tích hợp: KNS: HS biết đặt quạt ở vị trí bằng phẳng, không cho tay hoặc vật lạ vào lồng quạt, tắt quạt khi không sử dụng để bảo đảm an toàn.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 4 trong SGK và nêu các việc cần làm khi sử dụng quạt điện.</p>  <p>Hình 4</p>	<p>- HS quan sát Hình 4 và nêu: đặt quạt trên bề mặt bằng phẳng, bật quạt, chọn tốc độ quay, điều chỉnh hướng gió, tắt quạt khi không sử dụng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS sắp xếp các tranh trong Hình 4 theo thứ tự hợp lý.</p>	<p>- HS sắp xếp: Bước 1 đặt quạt trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn; bước 2 bật quạt và chọn tốc độ quay; bước 3 điều chỉnh hướng gió; bước 4 tắt quạt khi không sử dụng.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS thực hành mô phỏng:</p>	<p>- HS thực hành mô phỏng đặt quạt</p>

đặt quạt trên mặt bàn hoặc mặt sàn bằng phẳng, chắc chắn, tránh mép bàn và nơi ẩm ướt.	đúng vị trí và nêu: Em không đặt quạt chênh vênh, không đặt gần nước.
- GV hướng dẫn HS bật quạt bằng nút điều khiển, chọn tốc độ phù hợp; nhắc HS không chạm vào cánh quạt và không dùng tay ướt khi thao tác với thiết bị điện.	- HS thực hành mô phỏng thao tác bật quạt, chọn tốc độ và nhắc lại quy tắc không chạm vào cánh quạt, không dùng tay ướt.
- GV hướng dẫn HS điều chỉnh hướng gió phù hợp, không để gió thổi quá gần vào mặt trong thời gian dài.	- HS nêu: Em điều chỉnh hướng gió vừa phải, không thổi quá gần quạt.
- GV kết luận: Sử dụng quạt điện đúng cách gồm đặt quạt chắc chắn, bật quạt và chọn tốc độ phù hợp, điều chỉnh hướng gió, tắt quạt khi không sử dụng.	- HS lắng nghe, nhắc lại bốn bước sử dụng quạt điện đúng cách.
3. LUYỆN TẬP: Nhận biết tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện (10 phút) Mục tiêu: HS nhận biết được tình huống mất an toàn trong Hình 5 và nêu được cách xử lý, phòng tránh phù hợp. *Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 5 và thảo luận: “Vì sao các tình huống này là mất an toàn?”</p>  <p>Điện trong Hình 5 là mất an toàn.</p> <p>a) Đặt quạt chênh vênh trên ghế</p> <p>b) Ngồi gần sát vào quạt</p> <p>c) Cho ngón tay vào lồng quạt khi quạt đang hoạt động</p> <p>d) Tắt quạt bằng cách giật dây nguồn</p>	<p>- HS quan sát Hình 5, thảo luận nhóm đôi và chuẩn bị trả lời.</p>
- GV hỏi: “Vì sao không nên đặt quạt chênh vênh trên ghế?”	- HS trả lời: Vì quạt có thể bị đổ, làm hỏng quạt hoặc gây nguy hiểm cho người ở gần.
- GV hỏi: “Vì sao không nên ngồi gần sát vào quạt?”	- HS trả lời: Vì gió thổi trực tiếp quá gần có thể làm khó chịu, ảnh hưởng sức khỏe và không an toàn.
- GV hỏi: “Vì sao không được cho ngón tay hoặc vật lạ vào lồng quạt khi quạt đang hoạt động?”	- HS trả lời: Vì cánh quạt đang quay có thể làm đau tay, gây thương tích và làm hỏng quạt.
- GV hỏi: “Vì sao không được tắt quạt bằng cách giật dây nguồn?”	- HS trả lời: Vì giật dây nguồn có thể làm hỏng dây điện, ổ cắm và gây nguy hiểm điện.
- GV cho HS quan sát ghi nhớ an toàn và kết luận: Khi quạt phát ra tiếng kêu khác	- HS lắng nghe, nhắc lại cách xử lý khi quạt có dấu hiệu bất thường.

thường hoặc bị rung lắc, cần nhanh chóng tắt quạt và báo với người lớn để bảo đảm an toàn.



4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút)

Mục tiêu: HS chia sẻ cách sử dụng quạt điện trong gia đình và liên hệ ý tưởng quạt thông minh điều chỉnh tốc độ gió theo nhiệt độ.

Mục tiêu tích hợp: AI 3.C5.1: HS biết một số quạt thông minh có thể cảm nhận nhiệt độ phòng để điều chỉnh tốc độ gió.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: “Trong gia đình em có những loại quạt điện nào? Mỗi loại thường dùng ở đâu?”	- HS chia sẻ: Nhà em có quạt trần ở phòng khách, quạt bàn ở góc học tập, quạt treo tường ở phòng ngủ.
- GV hỏi: “Khi ra khỏi phòng hoặc không còn cần làm mát, em nên làm gì?”	- HS trả lời: Em nên tắt quạt để tiết kiệm điện và bảo đảm an toàn.
- GV mở mô phỏng trên Canva hoặc Google Slides: Khi phòng nóng, quạt tự tăng tốc độ; khi phòng mát hơn, quạt tự giảm tốc độ. GV nói rõ đây là mô phỏng giúp HS hiểu ý tưởng quạt thông minh.	- HS quan sát mô phỏng, nhận xét: Quạt thông minh có thể tự thay đổi tốc độ gió theo điều kiện trong phòng.
- GV diễn giải: Một số thiết bị hiện đại dùng cảm biến và chương trình điều khiển để “nhận biết” nhiệt độ, sau đó đưa ra lệnh thay đổi tốc độ. Dù thiết bị thông minh hỗ trợ con người, HS vẫn không chạm tay vào lồng quạt, không đặt quạt chênh vênh và phải tắt quạt khi không sử dụng.	- HS lắng nghe, nêu điểm giống và khác giữa quạt thông thường với quạt thông minh; nhắc lại quy tắc an toàn khi sử dụng quạt.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Cùng người thân kiểm tra vị trí đặt quạt, dây nguồn và thói quen tắt quạt khi không dùng.	- HS nhận nhiệm vụ và ghi nhớ việc thực hiện ở nhà.
- GV kết luận bài học: Sử dụng quạt điện đúng cách giúp làm mát hiệu quả, bảo đảm an toàn, tiết kiệm điện và bảo vệ thiết bị trong gia đình.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

 -

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 7

Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (Tiết 1)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được tác dụng của máy thu thanh là dùng để nghe các chương trình phát thanh.
- Nhận biết được một số nội dung chương trình phát thanh phù hợp như tin tức, thông tin giải trí và một số chương trình giáo dục.
- Bước đầu biết nghe một đoạn âm thanh phù hợp, chia sẻ lại nội dung chính và liên hệ cách sử dụng máy thu thanh trong đời sống.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tập trung nghe thông tin, ghi nhớ ý chính và trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ nội dung nghe được với bạn, lắng nghe và bổ sung ý kiến lịch sự.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn nguồn âm thanh phù hợp, không nghe nội dung lạ khi chưa có người lớn hướng dẫn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, lắng nghe đoạn phát thanh và hoàn thành nhiệm vụ chia sẻ nội dung chính.
- Trách nhiệm: Có ý thức nghe chương trình phù hợp lứa tuổi, sử dụng máy thu thanh đúng mục đích và giữ gìn thiết bị.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 3.1.CB1a: HS biết nghe thông tin, âm thanh từ nguồn do GV lựa chọn và chia sẻ lại nội dung chính một cách ngắn gọn. Công cụ cụ thể: VOV Media do GV mở để HS nghe đoạn âm thanh phù hợp; GV hướng dẫn HS nghe có mục đích, nhận biết ý chính và không tự ý mở kênh lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh khởi động, Hình 1; máy thu thanh thật hoặc tranh ảnh; đoạn âm thanh thiếu nhi hoặc bản tin ngắn phù hợp trên VOV Media do GV chọn; máy tính, loa, máy chiếu hoặc màn hình.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu nghe thông tin gồm các ô: em nghe thấy gì, nội dung chính là gì, em có thắc mắc gì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; giúp HS nhận biết tình huống nghe thông tin từ máy thu thanh và liên hệ tên gọi của thiết bị. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát tranh khởi động trong SGK và hỏi: “Ông của Minh vừa nhận được món quà gì?” 	- HS quan sát tranh và trả lời: Ông của Minh vừa nhận được một chiếc máy thu thanh.
- GV hỏi: “Trong tranh, máy thu thanh đang phát âm thanh gì?”	- HS trả lời: Máy thu thanh đang phát tiếng nói, có nội dung giới thiệu Đài Tiếng nói Việt Nam.
- GV hỏi: “Em đã từng nhìn thấy hoặc	- HS trả lời theo trải nghiệm: Em

nghe máy thu thanh ở đâu?”	thấy máy thu thanh ở nhà ông bà, trên điện thoại, trên xe hoặc qua loa phát thanh.
- GV yêu cầu HS nêu tên gọi khác của máy thu thanh mà em biết.	- HS trả lời: Máy thu thanh còn gọi là ra đi ô.
- GV nhận xét và nhắc: Máy thu thanh là sản phẩm công nghệ giúp con người nghe thông tin, giải trí và học tập.	- HS lắng nghe, liên hệ với thiết bị nghe âm thanh trong gia đình.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tìm hiểu tác dụng của máy thu thanh và cách nghe thông tin phù hợp.”	- HS nhắc lại tên bài: Sử dụng máy thu thanh.
2. KHÁM PHÁ: Tác dụng của máy thu thanh (15 phút) Mục tiêu: HS quan sát Hình 1, nêu được máy thu thanh dùng để nghe các chương trình phát thanh và kể được một số nội dung phát thanh phù hợp. Mục tiêu tích hợp: NLS 3.1.CB1a: HS biết nghe thông tin, âm thanh từ nguồn VOV Media do GV lựa chọn và chia sẻ lại nội dung chính một cách ngắn gọn. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1 trong SGK và cho biết Minh, Hoa, ông bà đang sử dụng máy thu thanh để làm gì. 	- HS quan sát Hình 1 và trả lời: Hoa nghe nhạc, Minh nghe và học tiếng Anh, ông bà nghe tin tức hoặc dự báo thời tiết.
- GV hỏi: “Máy thu thanh dùng để làm gì?”	- HS trả lời: Máy thu thanh dùng để nghe các chương trình phát thanh.
- GV hỏi: “Nội dung chương trình phát thanh thường là những gì?”	- HS trả lời: Nội dung chương trình phát thanh thường là tin tức, thông tin giải trí và một số chương trình giáo dục.
- GV giới thiệu công cụ số VOV Media: Đây là nguồn nghe chương trình phát thanh do GV lựa chọn trước. GV mở một đoạn âm thanh ngắn phù hợp lứa tuổi, hướng dẫn HS nghe lần 1 để nắm nội dung chung, nghe lần 2 để nhớ một vài từ khóa quan trọng.	- HS lắng nghe đoạn âm thanh theo hướng dẫn, không tự ý bấm chuyển kênh, không mở nội dung ngoài nhiệm vụ học tập.
- GV diễn giải NLS 3.1.CB1a: Khi nghe thông tin từ công cụ số, HS cần biết nguồn do GV hoặc người lớn chọn, nghe có mục đích, nêu ý chính bằng lời của mình; không cần ghi lại toàn bộ và không vội tin hoặc làm theo thông tin lạ khi chưa hiểu rõ.	- HS nhắc lại cách nghe an toàn: Nghe từ nguồn GV chọn, chú ý ý chính, hỏi lại GV khi chưa hiểu và không tự mở kênh lạ.

- GV kết luận: Máy thu thanh giúp nghe chương trình phát thanh; chương trình phù hợp có thể giúp em biết tin tức, nghe nhạc, học tập và giải trí lành mạnh.	- HS lắng nghe, nhắc lại tác dụng của máy thu thanh.
3. LUYỆN TẬP: Nghe và chia sẻ nội dung chính (10 phút) Mục tiêu: HS luyện nghe một đoạn âm thanh phù hợp, trả lời câu hỏi ngắn và chia sẻ lại nội dung chính với bạn. *Cách tiến hành:	
- GV phát lại đoạn âm thanh ngắn đã chọn và yêu cầu HS lắng nghe, ghi nhớ một nội dung chính.	- HS nghe đoạn âm thanh, chú ý từ khóa và nội dung chính.
- GV hỏi: “Đoạn âm thanh nói về nội dung gì?”	- HS trả lời theo đoạn nghe: Đoạn âm thanh nói về một bản tin, bài hát, câu chuyện hoặc thông tin phù hợp mà GV đã chọn.
- GV hỏi: “Em nghe được những từ khóa nào?”	- HS nêu một vài từ khóa nghe được, ví dụ: thời tiết, thiếu nhi, học tập, bài hát, an toàn, gia đình.
- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn bên cạnh bằng mẫu câu: “Em nghe được ...; nội dung chính là ...”.	- HS chia sẻ với bạn: Em nghe được thông tin về ...; nội dung chính là ...
- GV mời một số HS trình bày trước lớp, nhắc HS nói ngắn gọn, rõ ràng, đúng nội dung đã nghe.	- HS trình bày trước lớp, các bạn lắng nghe và bổ sung nếu cần.
- GV nhận xét: Khi nghe chương trình phát thanh, cần chọn chương trình phù hợp lứa tuổi, tập trung nghe và chia sẻ lại nội dung chính bằng lời nói của mình.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh cách chia sẻ nội dung nghe được.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để kể tác dụng của máy thu thanh, nêu chương trình phù hợp và liên hệ cách sử dụng thiết bị ở nhà. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói theo mẫu: “Máy thu thanh dùng để ...; em có thể nghe ...”.	- HS nói theo mẫu: Máy thu thanh dùng để nghe chương trình phát thanh; em có thể nghe tin tức thiếu nhi, bài hát, câu chuyện, chương trình học tập phù hợp.
- GV hỏi: “Theo em, chương trình nào phù hợp với học sinh lớp 3?”	- HS trả lời: Chương trình thiếu nhi, bài hát thiếu nhi, câu chuyện, chương trình giáo dục và bản tin phù hợp.
- GV hỏi: “Nếu đang nghe máy thu thanh mà gặp nội dung khó hiểu hoặc không phù hợp, em nên làm gì?”	- HS trả lời: Em nên dừng nghe và hỏi GV hoặc người lớn, không tự ý nghe tiếp nội dung lạ.
- GV giới thiệu nhanh Hình 2 để HS biết	- HS quan sát Hình 2, nhận biết có

<p>tiết sau sẽ tìm hiểu mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh.</p> 	<p>đài phát thanh, ăng ten và máy thu thanh.</p>
<p>- GV giao nhiệm vụ về nhà: Hỏi người thân xem gia đình em có nghe chương trình phát thanh nào không, nội dung đó có phù hợp với lứa tuổi em không.</p>	<p>- HS nhận nhiệm vụ và ghi nhớ cách hỏi, cách chia sẻ với người thân.</p>
<p>- GV kết luận bài học: Máy thu thanh giúp nghe chương trình phát thanh. HS cần nghe chương trình phù hợp, biết chia sẻ nội dung chính và sử dụng thiết bị đúng mục đích.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-
-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 8

Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh dựa vào sơ đồ khối.
- Nêu được đài phát thanh là nơi sản xuất chương trình phát thanh và phát tín hiệu truyền thanh qua ăng ten.
- Nêu được máy thu thanh là thiết bị thu nhận tín hiệu truyền thanh qua ăng ten và phát âm thanh ra loa.
- Biết lựa chọn chương trình phát thanh phù hợp với lứa tuổi từ kênh đáng tin cậy do GV hoặc người lớn giới thiệu.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát Hình 2, đọc thông tin trong SGK và hoàn thành câu mô tả mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm đôi để giải thích đường truyền tín hiệu từ đài phát thanh đến máy thu thanh.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ việc chọn chương trình phát thanh phù hợp, lành mạnh khi nghe ở nhà hoặc trên xe.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát sơ đồ, đọc thông tin, tham gia thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức nghe chương trình phát thanh phù hợp lứa tuổi; biết hỏi người lớn khi gặp nội dung chưa hiểu hoặc chưa phù hợp.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 1.2.CB1a: HS biết lựa chọn chương trình phát thanh phù hợp lứa tuổi từ kênh đáng tin cậy do GV hoặc người lớn giới thiệu. Công cụ cụ thể: VOV Media do GV mở trên thiết bị của GV, GV thao tác chọn chuyên mục thiếu nhi hoặc bản tin phù hợp, hướng dẫn HS chỉ nghe nội dung đã được chọn lọc, không tự ý chuyển sang kênh lạ.

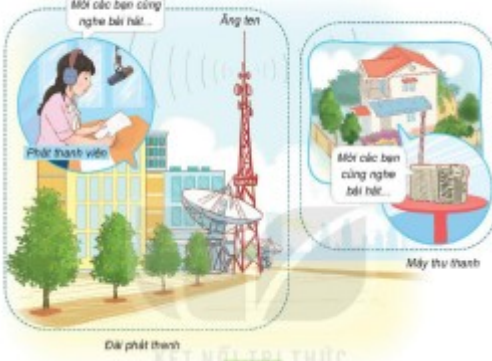
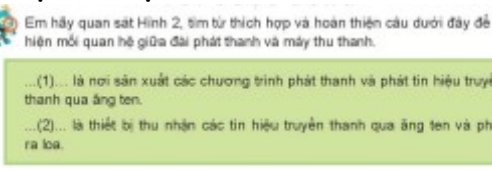
4. Tích hợp: Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền tiếp cận thông tin phù hợp, lành mạnh và có ích cho học tập, vui chơi; đồng thời biết nói với người lớn khi thông tin nghe được làm em lo lắng, khó hiểu hoặc không phù hợp.

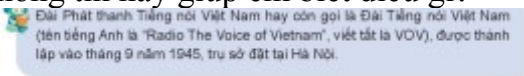
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 2; tranh thông tin về VOV; máy thu thanh hoặc hình ảnh máy thu thanh; thiết bị có kết nối Internet để mở VOV Media; máy chiếu hoặc màn hình.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu hoàn thiện câu mô tả mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại tác dụng của máy thu thanh; tạo tâm thế để HS tìm hiểu máy thu thanh nhận chương trình phát thanh từ đâu. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: “Ở tiết trước, máy thu thanh dùng để làm gì?”	- HS trả lời: Máy thu thanh dùng để nghe các chương trình phát thanh.
- GV yêu cầu HS kể một nội dung có thể nghe bằng máy thu thanh.	- HS kể: nghe tin tức, nghe bài hát, nghe chương trình thiếu nhi, nghe thông tin thời tiết hoặc học tiếng Anh.
- GV hỏi: “Theo em, âm thanh trong máy thu thanh tự có sẵn hay được truyền đến từ nơi khác?”	- HS trả lời theo suy nghĩ: Âm thanh được truyền đến từ nơi khác, có thể từ đài phát thanh.
- GV cho HS quan sát nhanh hình máy thu thanh và nhắc lại vai trò thu nhận tín hiệu của máy.	- HS quan sát và nêu: Máy thu thanh thu tín hiệu rồi phát âm thanh ra loa.
- GV nhận xét, khen HS biết liên hệ kiến thức đã học với đời sống.	- HS lắng nghe, bổ sung câu trả lời của bạn nếu cần.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tìm hiểu mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh.”	- HS nhắc lại nhiệm vụ học tập của tiết học.
2. KHÁM PHÁ: Mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh (15 phút) Mục tiêu: HS quan sát Hình 2, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh. *Cách tiến hành:	

<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 trong SGK và gọi tên các đối tượng có trong hình.</p> 	<p>- HS quan sát Hình 2 và nêu: phát thanh viên, đài phát thanh, ăng ten, máy thu thanh.</p>
<p>- GV hỏi: “Các chương trình phát thanh được sản xuất ở đâu?”</p>	<p>- HS trả lời: Các chương trình phát thanh được sản xuất ở đài phát thanh.</p>
<p>- GV hỏi: “Đài phát thanh phát tín hiệu truyền thanh qua bộ phận nào?”</p>	<p>- HS trả lời: Đài phát thanh phát tín hiệu truyền thanh qua ăng ten.</p>
<p>- GV hỏi: “Máy thu thanh nhận tín hiệu qua bộ phận nào và phát ra âm thanh ở đâu?”</p>	<p>- HS trả lời: Máy thu thanh nhận tín hiệu qua ăng ten và phát âm thanh ra loa.</p>
<p>- GV yêu cầu HS hoàn thiện câu trong SGK: “...(1)... là nơi sản xuất...; ...(2)... là thiết bị thu nhận...”.</p> 	<p>- HS hoàn thiện: (1) Đài phát thanh; (2) Máy thu thanh.</p>
<p>- GV kết luận: Đài phát thanh sản xuất chương trình và phát tín hiệu; máy thu thanh thu tín hiệu đó rồi phát âm thanh để người nghe nghe được chương trình.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh bằng lời của mình.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: Lựa chọn chương trình phát thanh phù hợp (10 phút) Mục tiêu: HS biết lựa chọn chương trình phát thanh phù hợp lứa tuổi từ nguồn do GV hoặc người lớn giới thiệu. Mục tiêu tích hợp: NLS 1.2.CB1a: HS biết lựa chọn chương trình phát thanh phù hợp lứa tuổi từ kênh đáng tin cậy qua VOV Media do GV hướng dẫn. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu công cụ số VOV Media: Đây là nguồn nghe chương trình phát thanh chính thống; trong giờ học GV chỉ mở nội dung đã chọn phù hợp với HS lớp 3.</p>	<p>- HS lắng nghe và hiểu: Em chỉ nghe chương trình do GV hoặc người lớn hướng dẫn, không tự ý mở kênh lạ.</p>
<p>- GV thao tác trên màn hình: mở VOV Media, cho HS quan sát tên kênh, tên chuyên mục và thời lượng của một đoạn âm thanh ngắn phù hợp lứa tuổi.</p>	<p>- HS quan sát màn hình, đọc tên kênh hoặc tên chuyên mục theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nghe thử một đoạn</p>	<p>- HS nghe đoạn âm thanh, ghi nhớ nội</p>

ngắn, chú ý nội dung chính và những từ khóa dễ hiểu; GV nhắc HS không cần ghi lại toàn bộ âm thanh.	dung chính và một vài từ khóa phù hợp.
- GV hỏi: “Đoạn nghe này có phù hợp với học sinh lớp 3 không? Vì sao?”	- HS trả lời: Phù hợp vì nội dung dễ hiểu, lành mạnh, có ích cho học tập hoặc vui chơi; không có thông tin đáng sợ hay khó hiểu.
- GV giải thích: Khi dùng công cụ số để nghe phát thanh, điều quan trọng là biết chọn nguồn đáng tin cậy, nghe đúng nội dung được giao và hỏi người lớn khi chưa chắc nội dung có phù hợp hay không.	- HS nhắc lại: Em chọn nguồn đáng tin cậy, nghe đúng nhiệm vụ và hỏi người lớn khi chưa rõ.
- GV nhận xét và yêu cầu HS nói một tiêu chí để chọn chương trình phát thanh phù hợp.	- HS nêu: Chương trình cần phù hợp lứa tuổi, nội dung lành mạnh, có ích, không làm em sợ hoặc lo lắng.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để nêu quyền được tiếp cận thông tin phù hợp và biết cách xử lý khi gặp thông tin chưa phù hợp. Mục tiêu tích hợp: QCN: HS hiểu trẻ em có quyền tiếp cận thông tin phù hợp, lành mạnh, có ích cho học tập và vui chơi. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát mục “Thông tin cho em” về Đài Tiếng nói Việt Nam và hỏi: “Thông tin này giúp em biết điều gì?” 	- HS quan sát và trả lời: Em biết Đài Tiếng nói Việt Nam còn gọi là VOV, được thành lập từ lâu và có trụ sở ở Hà Nội.
- GV hỏi: “Trẻ em có nên được nghe những thông tin phù hợp, lành mạnh không?”	- HS trả lời: Có. Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin phù hợp, lành mạnh và có ích.
- GV giải thích: Quyền tiếp cận thông tin không có nghĩa là nghe mọi nội dung. Thông tin dành cho trẻ em cần phù hợp lứa tuổi, giúp các em học tập, vui chơi an toàn và phát triển tốt.	- HS lắng nghe và nêu lại: Em cần chọn thông tin phù hợp, có ích và an toàn.
- GV nêu tình huống: “Nếu em nghe một chương trình có nội dung làm em sợ hoặc không hiểu, em sẽ làm gì?”	- HS trả lời: Em dừng nghe, nói với người lớn hoặc GV để được hướng dẫn.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Hỏi người thân tên một chương trình phát thanh phù hợp với thiếu nhi và ghi lại tên chương trình đó.	- HS nhận nhiệm vụ và ghi nhớ cách hỏi người thân.
- GV kết luận bài học: Đài phát thanh phát tín hiệu, máy thu thanh nhận tín hiệu và phát ra âm thanh. Khi nghe phát thanh, HS cần chọn nội dung phù hợp, lành mạnh và có ích.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung chính của bài học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 9

Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (Tiết 3)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể tên được một số chương trình phát thanh phù hợp với lứa tuổi học sinh trên đài phát thanh.
- Nêu được nội dung chính của một số chương trình phát thanh như ca nhạc thiếu nhi, thiếu nhi, đọc truyện dài kì, giáo dục từ xa.
- Biết đọc thông tin lịch phát thanh đơn giản và lựa chọn chương trình phù hợp để nghe.
- Bước đầu biết kiểm chứng thông tin nghe được, không vội tin hoặc làm theo nội dung chưa rõ nguồn.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Đọc thông tin trong Hình 3, tự tìm tên chương trình phù hợp với học sinh.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Chia sẻ với bạn về tên và nội dung chương trình phát thanh yêu thích bằng lời nói lịch sự.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân biệt nội dung phù hợp, chưa phù hợp và nêu cách kiểm chứng khi nghe thông tin lạ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc thông tin, tham gia trao đổi và hoàn thành nhiệm vụ lựa chọn chương trình phát thanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức nghe có chọn lọc, tôn trọng người nghe xung quanh và chia sẻ nội dung phù hợp với bạn.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp KNS:** HS rèn kĩ năng nghe có chọn lọc, ghi nhớ thông tin có ích và trao đổi lịch sự với bạn sau khi nghe.
- **Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.B2.1:** HS bước đầu nhận biết có giọng nói thật của con người và giọng nói tổng hợp do máy tạo ra; cần nghe, kiểm chứng thông tin. Công cụ cụ thể: Vbee AI Voice hoặc Google Text-to-Speech do GV thao tác để tạo một câu ngắn, so sánh với giọng đọc thật của GV, giúp HS hiểu âm thanh do máy tạo ra cũng cần được kiểm tra nguồn và nội dung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 3; phiếu đọc lịch phát thanh; thiết bị phát âm thanh; một đoạn giọng đọc thật của GV và một đoạn giọng tổng hợp tạo bằng Vbee AI Voice hoặc Google Text-to-Speech; máy chiếu hoặc màn hình.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu chọn chương trình phát thanh phù hợp và phiếu chia sẻ nội dung nghe được.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)	

Mục tiêu: Ôn lại mối quan hệ giữa đài phát thanh và máy thu thanh; tạo tâm thế tìm hiểu một số chương trình phát thanh.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: “Đài phát thanh có nhiệm vụ gì?”	- HS trả lời: Đài phát thanh sản xuất chương trình và phát tín hiệu truyền thanh qua ăng ten.
- GV hỏi: “Máy thu thanh có nhiệm vụ gì?”	- HS trả lời: Máy thu thanh thu nhận tín hiệu và phát âm thanh ra loa.
- GV nêu trò chơi “Đoán chương trình”. GV đọc tên: ca nhạc thiếu nhi, bản tin thời sự, đọc truyện dài kì.	- HS lắng nghe và đoán đó là các chương trình phát thanh có nội dung khác nhau.
- GV hỏi: “Theo em, chương trình nào phù hợp với học sinh lớp 3?”	- HS trả lời: Ca nhạc thiếu nhi, thiếu nhi, đọc truyện phù hợp, chương trình học tập hoặc giáo dục từ xa.
- GV nhận xét và nhắc HS: Không phải chương trình nào cũng phù hợp với mọi lứa tuổi.	- HS lắng nghe, nêu: Em cần chọn chương trình phù hợp với lứa tuổi.
- GV dẫn vào bài: “Tiết này chúng ta đọc lịch phát thanh và chọn chương trình phù hợp.”	- HS nhắc lại nhiệm vụ học tập của tiết học.

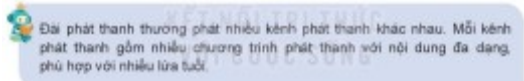
2. KHÁM PHÁ: Một số chương trình phát thanh (15 phút)

Mục tiêu: HS đọc được thông tin trong Hình 3, kể tên và nêu được nội dung phát thanh của một số chương trình phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Mục tiêu tích hợp: KNS: HS rèn kỹ năng nghe có chọn lọc, ghi nhớ thông tin có ích và trao đổi lịch sự với bạn sau khi nghe.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 3, đọc tên kênh và tên một số chương trình phát thanh trong bảng.	- HS quan sát Hình 3 và đọc: VOV1, VOV2; Bản tin thời sự, Sống an toàn, Ca nhạc thiếu nhi, Đọc truyện dài kì, Thiếu nhi, Giáo dục từ xa.
 <p>Hình 3</p>	
- GV hỏi: “Trong Hình 3, chương trình nào phù hợp với lứa tuổi học sinh?”	- HS trả lời: Ca nhạc thiếu nhi, Thiếu nhi, Đọc truyện dài kì, Giáo dục từ xa, Sống an toàn nếu nội dung phù hợp.
- GV yêu cầu HS chọn một chương trình và nêu nội dung có thể nghe được trong chương trình đó.	- HS nêu: Ca nhạc thiếu nhi có bài hát; Thiếu nhi có thông tin, câu chuyện dành cho thiếu nhi; Đọc truyện dài kì có nội dung truyện.

<p>- GV hướng dẫn KNS: Khi nghe chương trình, HS cần nghe có chọn lọc, chú ý thông tin có ích, ghi nhớ ý chính, không nói chen khi bạn đang chia sẻ.</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại: Em nghe có chọn lọc, nhớ ý chính và trao đổi lịch sự với bạn.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi: “Em thích nghe chương trình nào trong Hình 3? Vì sao?”</p> 	<p>- HS trao đổi nhóm đôi, dùng lời nói lịch sự: Tôi thích chương trình ... vì ...; tôi lắng nghe bạn chia sẻ và không ngắt lời bạn.</p>
<p>- GV kết luận: Đài phát thanh có nhiều kênh, nhiều chương trình với nội dung đa dạng. HS cần biết chọn chương trình phù hợp lứa tuổi và nghe có mục đích.</p> 	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại tên một chương trình phù hợp với học sinh.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: Nhận biết giọng nói thật và giọng nói tổng hợp (10 phút) Mục tiêu: HS bước đầu nhận biết có giọng nói thật của con người và giọng nói tổng hợp do máy tạo ra; biết cần kiểm chứng thông tin nghe được. Mục tiêu tích hợp: AI 3.B2.1: HS nhận biết giọng nói thật và giọng nói tổng hợp do máy tạo ra; biết nghe, so sánh và kiểm chứng thông tin. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu công cụ AI tạo giọng nói: Vbee AI Voice hoặc Google Text-to-Speech. GV giải thích công cụ này có thể đọc một câu văn thành âm thanh giống giọng người nhưng đó là giọng do máy tạo ra.</p>	<p>- HS lắng nghe và hiểu: Có âm thanh do con người đọc và có âm thanh do máy tạo ra.</p>
<p>- GV đọc thật một câu ngắn: “Các em hãy chọn chương trình phát thanh phù hợp với lứa tuổi.”</p>	<p>- HS nghe giọng đọc thật của GV và nhận xét: Giọng đọc tự nhiên, có ngắt nghỉ, có cảm xúc.</p>
<p>- GV mở đoạn âm thanh giọng tổng hợp cùng câu văn đó trên công cụ AI và yêu cầu HS lắng nghe, so sánh.</p>	<p>- HS nghe đoạn giọng tổng hợp và nhận xét: Giọng có thể rõ nhưng chưa tự nhiên bằng giọng người hoặc có cách ngắt nghỉ khác.</p>
<p>- GV hỏi: “Nếu một đoạn âm thanh nói thông tin lạ, em có nên tin ngay không? Vì sao?”</p>	<p>- HS trả lời: Không nên tin ngay vì âm thanh có thể do máy tạo ra hoặc thông tin chưa được kiểm chứng.</p>
<p>- GV diễn giải: AI có thể hỗ trợ tạo giọng đọc để học tập, nhưng HS cần kiểm tra nguồn, hỏi GV hoặc người lớn, đối chiếu với SGK hoặc nguồn đáng tin cậy trước khi tin và làm theo.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em cần kiểm tra nguồn, hỏi người lớn và đối chiếu với thông tin đáng tin cậy.</p>

- GV chốt: Khi nghe phát thanh hoặc âm thanh trên thiết bị số, HS cần nghe cẩn thận, chọn nội dung phù hợp và kiểm chứng thông tin chưa rõ.	- HS lắng nghe, nêu lại một việc cần làm để kiểm chứng thông tin nghe được.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để chia sẻ tên chương trình phát thanh phù hợp và chuẩn bị cho hoạt động sử dụng máy thu thanh ở tiết sau. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói theo mẫu: “Em chọn nghe chương trình ... vì ...”.	- HS nói theo mẫu: Em chọn nghe chương trình Ca nhạc thiếu nhi vì nội dung vui tươi và phù hợp với em.
- GV hỏi: “Khi chia sẻ với bạn về chương trình em thích, em cần nói như thế nào?”	- HS trả lời: Em nói ngắn gọn, rõ ràng, lịch sự và lắng nghe bạn nói.
- GV yêu cầu HS ghi vào vở một chương trình phù hợp và một lí do em chọn chương trình đó.	- HS ghi: Tên chương trình ...; lí do: phù hợp lứa tuổi, có ích, vui hoặc giúp em học thêm điều mới.
- GV hỏi: “Nếu chương trình đang phát không phù hợp hoặc làm em lo lắng, em sẽ làm gì?”	- HS trả lời: Em dừng nghe và nói với người lớn hoặc GV.
- GV giới thiệu tiết sau: HS sẽ tìm hiểu các bước sử dụng máy thu thanh để chọn kênh và điều chỉnh âm lượng.	- HS lắng nghe và chuẩn bị cho tiết học sau.
- GV kết luận bài học: Đài phát thanh có nhiều chương trình; HS cần chọn chương trình phù hợp, nghe có chọn lọc và kiểm chứng thông tin chưa rõ.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-
-
-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 10

Bài 4: Sử dụng máy thu thanh (Tiết 4)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được các bước sử dụng máy thu thanh: bật công tắc nguồn, điều chỉnh âm lượng, chọn kênh phát thanh và tắt nguồn khi không sử dụng.
- Chọn được kênh phát thanh và thay đổi âm lượng theo ý muốn dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết lựa chọn vị trí đặt máy thu thanh hoặc điều chỉnh ăng ten khi âm thanh bị rè, nghe không rõ.
- Biết bảo quản máy thu thanh, không tự ý tháo lắp và không làm theo hướng dẫn sửa chữa không rõ nguồn.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát Hình 4, nêu thứ tự các bước sử dụng máy thu thanh và ghi nhớ quy tắc bảo quản thiết bị.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hành theo nhóm, lắng nghe hướng dẫn, nhận xét thao tác của bạn và phối hợp hoàn thành bảng thực hành.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xử lý tình huống âm thanh rè, không rõ bằng cách điều chỉnh ăng ten, vị trí đặt máy hoặc báo người lớn hỗ trợ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, thực hành, hoàn thành bảng kiểm và bảng chọn kênh phát thanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng máy thu thanh vừa đủ âm lượng, tắt nguồn khi không dùng, bảo quản thiết bị an toàn trong gia đình.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp NLS 5.1.CB1a: HS biết bảo quản máy thu thanh, không tự ý tháo lắp, không làm theo hướng dẫn sửa chữa không rõ nguồn. Công cụ cụ thể: Google Sheets dùng làm bảng kiểm bảo quản thiết bị; GV trình chiếu bảng kiểm và hướng dẫn HS đánh dấu việc nên làm, không nên làm khi sử dụng máy thu thanh.**
- **Tích hợp KNS: HS biết nhờ người lớn hỗ trợ khi thiết bị không hoạt động, phát âm thanh bất thường hoặc bị rè; biết sử dụng âm lượng vừa phải để không ảnh hưởng đến người xung quanh.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 4; máy thu thanh thật hoặc mô hình; thẻ các bước sử dụng máy thu thanh; bảng thực hành chọn kênh; bảng kiểm bảo quản thiết bị trên Google Sheets; máy chiếu hoặc màn hình.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu thực hành chọn kênh phát thanh và phiếu tự đánh giá bảo quản máy thu thanh.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung đã học về chương trình phát thanh; tạo tâm thế để HS tìm hiểu cách sử dụng máy thu thanh đúng bước. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: “Em hãy kể tên một chương trình phát thanh phù hợp với học sinh.”	- HS kể: Ca nhạc thiếu nhi, Thiếu nhi, Đọc truyện dài kì, Giáo dục từ xa, Sống an toàn.
- GV hỏi: “Muốn nghe chương trình phát thanh trên máy thu thanh, theo em cần làm việc gì trước?”	- HS trả lời: Cần bật công tắc nguồn của máy thu thanh.
- GV hỏi: “Nếu âm thanh quá to hoặc quá nhỏ, em cần điều chỉnh bộ phận nào?”	- HS trả lời: Em cần điều chỉnh núm âm lượng.
- GV nêu tình huống: “Máy đang phát âm thanh rè, nghe không rõ.”	- HS dự đoán: Có thể cần điều chỉnh ăng ten, đổi vị trí đặt máy hoặc hỏi người lớn.
- GV nhận xét và nhắc HS: Sử dụng thiết bị cần làm đúng thứ tự, nhẹ nhàng, không nghịch phá.	- HS lắng nghe và chuẩn bị tìm hiểu các bước sử dụng máy thu thanh.
- GV dẫn vào bài: “Tiết này chúng ta thực	- HS nhắc lại nhiệm vụ học tập của

hành sử dụng máy thu thanh và bảo quản thiết bị.”	tiết học.
2. KHÁM PHÁ: Các bước sử dụng máy thu thanh (15 phút) Mục tiêu: HS nêu được các bước sử dụng máy thu thanh và biết thao tác bật nguồn, điều chỉnh âm lượng, chọn kênh, tắt nguồn khi không sử dụng. *Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 4 trong SGK và nêu các bước cần thực hiện khi sử dụng máy thu thanh.</p>  <p>Bước 1: Bật công tắc nguồn.</p> <p>Bước 2: Điều chỉnh âm thanh to/nhỏ bằng cách xoay núm điều chỉnh âm lượng (volume).</p> <p>Bước 3: Chọn kênh phát thanh: – Chọn AM hoặc FM bằng nút chọn kênh; – Xoay núm dò kênh TUNING tới khi nghe được rõ nội dung chương trình đang phát (ví dụ: số chỉ trên FM đang chỉ 100 – tương đương với kênh VOV).</p> <p>Bước 4: Tắt nguồn khi không sử dụng.</p>	<p>- HS quan sát Hình 4 và nêu: Bật công tắc nguồn, điều chỉnh âm lượng, chọn kênh phát thanh, tắt nguồn khi không sử dụng.</p>
- GV hỏi: “Bước 1 cần làm gì?”	- HS trả lời: Bước 1 là bật công tắc nguồn.
- GV hỏi: “Bước 2 cần điều chỉnh gì để nghe âm thanh vừa đủ?”	- HS trả lời: Bước 2 là điều chỉnh âm lượng to hoặc nhỏ bằng núm volume.
- GV hỏi: “Bước 3 chọn kênh phát thanh bằng cách nào?”	- HS trả lời: Chọn AM hoặc FM bằng nút chọn kênh, sau đó xoay núm TUNING tới khi nghe rõ nội dung chương trình.
- GV hỏi: “Bước 4 cần làm gì khi không sử dụng máy thu thanh?”	- HS trả lời: Cần tắt nguồn khi không sử dụng.
- GV kết luận: Khi sử dụng máy thu thanh, cần thực hiện đúng thứ tự, điều chỉnh âm lượng vừa phải, chọn kênh phù hợp và tắt nguồn sau khi nghe.	- HS lắng nghe, nhắc lại bốn bước sử dụng máy thu thanh.

 Khi âm thanh phát ra từ máy phát thanh bị ù, nghe không rõ, cần lựa chọn vị trí đặt máy thu thanh hoặc điều chỉnh ăng ten để thu được tín hiệu tốt nhất.

 Các bước sử dụng máy thu thanh:

- Bước 1: Bật công tắc nguồn.
- Bước 2: Điều chỉnh âm lượng.
- Bước 3: Chọn kênh phát thanh.
- Bước 4: Tắt nguồn khi không sử dụng.

3. LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH: Chọn kênh phát thanh và xử lý âm thanh bất thường (10 phút)

Mục tiêu: HS thực hành mô phỏng chọn kênh phát thanh, điều chỉnh âm lượng và biết nhờ người lớn hỗ trợ khi thiết bị bất thường.

Mục tiêu tích hợp: KNS: HS biết nhờ người lớn hỗ trợ khi thiết bị không hoạt động, phát âm thanh bất thường hoặc bị rè; biết sử dụng âm lượng vừa phải.

***Cách tiến hành:**

- GV chia nhóm, giao bảng thực hành chọn kênh phát thanh; yêu cầu HS quan sát các cột: kênh phát thanh, AM/FM, số chỉ, nội dung chương trình đang phát.

Số thứ tự	Kênh phát thanh	AM-FM	Số chỉ trên AM/FM	Nội dung chương trình đang phát
1	VOV1	FM	100	?
2	VOV2	AM	580	?
3	VOV giao thông	FM	91	?

- HS quan sát bảng thực hành và đọc tên các cột trong bảng.

- GV thao tác mẫu trên máy thu thanh hoặc mô hình: bật nguồn, chỉnh âm lượng vừa nghe, chọn AM hoặc FM, xoay núm TUNING.

- HS quan sát thao tác mẫu và nhắc lại từng bước theo thứ tự.

- GV yêu cầu từng nhóm thực hành mô phỏng chọn một kênh, sau đó nói nội dung chương trình đang phát theo bảng.

- HS thực hành theo nhóm, ghi hoặc nói nội dung chương trình nghe được vào bảng.

- GV nêu tình huống KNS: “Nếu máy thu thanh phát âm thanh rè, nghe không rõ, em sẽ làm gì?”

- HS trả lời: Em điều chỉnh ăng ten hoặc vị trí đặt máy; nếu vẫn không rõ thì nhờ người lớn hỗ trợ.

- GV nêu tình huống: “Máy phát tiếng kêu khác thường hoặc không hoạt động, em có tự tháo máy không?”

- HS trả lời: Không. Em tắt máy và báo người lớn, không tự tháo lắp vì có thể nguy hiểm hoặc làm hỏng thiết bị.

- GV kết luận: Khi dùng máy thu thanh, cần thao tác nhẹ nhàng, nghe âm lượng vừa đủ, tắt nguồn khi không dùng và nhờ người lớn khi thiết bị bất thường.

- HS lắng nghe, nhắc lại một cách xử lý an toàn khi máy thu thanh bị rè hoặc hỏng.

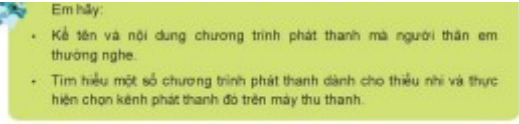
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM: Bảng kiểm bảo quản máy thu thanh (5 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để lập bảng kiểm việc nên làm khi bảo quản máy thu thanh trong gia đình.

Mục tiêu tích hợp: NLS 5.1.CB1a: HS biết dùng Google Sheets do GV trình chiếu để tự kiểm tra việc bảo quản máy thu thanh, không tự tháo lắp và không làm

theo hướng dẫn sửa chữa không rõ nguồn.

***Cách tiến hành:**

- GV giới thiệu công cụ số Google Sheets: GV đã tạo bảng kiểm “Em bảo quản máy thu thanh” gồm các việc nên làm và không nên làm; HS quan sát trên màn hình, không tự đăng nhập hoặc nhập thông tin cá nhân.	- HS quan sát bảng kiểm trên màn hình và hiểu đây là bảng dùng để tự kiểm tra thói quen sử dụng thiết bị.
- GV hướng dẫn HS đọc các dòng trong bảng kiểm: đặt máy nơi khô ráo, điều chỉnh âm lượng vừa phải, tắt nguồn khi không dùng, không tự tháo lắp, không làm theo video sửa chữa lạ.	- HS đọc theo hướng dẫn và đánh dấu miệng việc nên làm, việc không nên làm.
- GV giải thích NLS 5.1.CB1a: Khi dùng thiết bị và công cụ số, HS cần biết tự kiểm tra cách bảo quản, biết dừng lại khi gặp hướng dẫn không rõ nguồn, không bắt chước sửa chữa thiết bị điện khi chưa có người lớn.	- HS nhắc lại: Em không tự sửa máy, không làm theo hướng dẫn lạ và cần hỏi người lớn khi thiết bị có vấn đề.
- GV yêu cầu HS nêu thêm một việc nên làm để bảo quản máy thu thanh.	- HS nêu: Lau bụi nhẹ nhàng, để máy nơi khô ráo, không làm rơi, không để gần nước, tắt nguồn khi không dùng.
- GV giao nhiệm vụ về nhà theo mục vận dụng trong SGK: Kể tên và nội dung chương trình phát thanh người thân thường nghe; tìm hiểu một chương trình thiếu nhi và thực hiện chọn kênh dưới sự hỗ trợ của người lớn. 	- HS quan sát mục vận dụng, nhận nhiệm vụ và ghi nhớ cần có người lớn hỗ trợ khi sử dụng thiết bị.
- GV kết luận bài học: Sử dụng máy thu thanh cần đúng bước, chọn kênh phù hợp, điều chỉnh âm lượng vừa phải, bảo quản thiết bị và nhờ người lớn khi có dấu hiệu bất thường.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
.....
-
.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 11

Bài 5: Sử dụng máy thu hình (Tiết 1)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Trình bày được tác dụng của máy thu hình trong gia đình.
- Nêu được máy thu hình dùng để xem các chương trình truyền hình như tin tức, giải trí, giáo dục.
- Mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và máy thu hình.
- Biết chọn chương trình truyền hình hoặc video phù hợp lứa tuổi từ nguồn do GV hoặc người lớn giới thiệu.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, đọc thông tin trong SGK và ghi nhớ tác dụng của máy thu hình.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm đôi để nêu tác dụng, mô tả mối quan hệ giữa đài truyền hình và máy thu hình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn nội dung xem phù hợp, lành mạnh, có ích cho học tập và vui chơi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, thảo luận, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức xem chương trình phù hợp lứa tuổi, hỏi người lớn khi chưa biết nội dung có phù hợp hay không.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS biết chọn chương trình truyền hình hoặc nội dung Internet phù hợp lứa tuổi và bảo vệ bản thân khi xem nội dung số. Công cụ cụ thể: YouTube Kids hoặc danh sách video thiếu nhi do GV mở trên thiết bị của GV. GV hướng dẫn HS hiểu rằng công cụ số có nhiều nội dung khác nhau; HS lớp 3 không tự ý tìm kiếm hoặc bấm vào video lạ, chỉ xem nội dung đã được người lớn chọn lọc, có tên chương trình rõ ràng, hình ảnh lành mạnh và phù hợp với nhiệm vụ học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 1, Hình 2; hình ảnh máy thu hình; máy chiếu; thiết bị có mở YouTube Kids hoặc danh sách video phù hợp do GV chuẩn bị.
- Học sinh: SGK Công nghệ 3; vở ghi; phiếu học tập nhỏ để ghi tác dụng của máy thu hình và nội dung chương trình phù hợp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

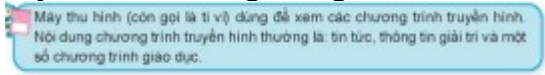
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Huy động hiểu biết của HS về máy thu hình; tạo hứng thú trước khi tìm hiểu tác dụng và mối quan hệ giữa đài truyền hình với máy thu hình. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát tranh khởi động trong SGK và hỏi: “Hai bạn nhỏ đang xem gì?” 	- HS quan sát tranh và trả lời: Hai bạn nhỏ đang xem chương trình truyền hình trên ti vi.
- GV hỏi: “Bạn trong tranh hỏi điều gì?”	- HS trả lời: Bạn hỏi tên của chương trình truyền hình đang xem.

- GV yêu cầu HS kể tên một chương trình truyền hình mà em biết.	- HS kể: Thời sự, phim truyện, chương trình thiếu nhi, chương trình học tập, thể thao.
- GV hỏi: “Ở nhà, em thường xem ti vi khi nào và xem cùng ai?”	- HS chia sẻ: Em xem ti vi lúc rảnh, thường xem cùng ông bà, bố mẹ hoặc anh chị.
- GV nhận xét, nhắc HS khi xem ti vi cần chọn nội dung phù hợp với lứa tuổi.	- HS lắng nghe và nêu: Em cần hỏi người lớn khi chưa biết chương trình có phù hợp hay không.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tìm hiểu tác dụng của máy thu hình và cách máy thu hình nhận chương trình.”	- HS nhắc lại tên bài và chuẩn bị quan sát tranh trong SGK.

2. KHÁM PHÁ: Tác dụng của máy thu hình (10 phút)

Mục tiêu: HS quan sát Hình 1 và trình bày được máy thu hình dùng để xem các chương trình truyền hình trong gia đình.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1 trong SGK và nêu các chương trình đang được xem trên máy thu hình.  Hình 1	- HS quan sát và nêu: thời sự, phim truyện, chương trình thiếu nhi.
- GV hỏi: “Máy thu hình trong gia đình dùng để làm gì?”	- HS trả lời: Máy thu hình dùng để xem các chương trình truyền hình.
- GV hỏi: “Các chương trình truyền hình trong Hình 1 có nội dung giống nhau hay khác nhau?”	- HS trả lời: Các chương trình có nội dung khác nhau, có tin tức, giải trí và giáo dục.
- GV yêu cầu HS nêu ích lợi của chương trình tin tức, giải trí và giáo dục.	- HS nêu: Tin tức giúp biết thông tin; giải trí giúp thư giãn; chương trình giáo dục giúp học thêm điều hay.
- GV cho HS đọc phần ghi nhớ và hỏi: “Máy thu hình còn gọi là gì?” 	- HS đọc ghi nhớ và trả lời: Máy thu hình còn gọi là ti vi.
- GV kết luận: Máy thu hình là sản phẩm công nghệ quen thuộc, giúp gia đình xem nhiều chương trình truyền hình khác nhau.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Máy thu hình dùng để xem chương trình truyền hình.

3. KHÁM PHÁ: Mối quan hệ giữa đài truyền hình và máy thu hình (13 phút)

Mục tiêu: HS mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và máy thu hình dựa vào Hình 2.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 và gọi tên các đối tượng có trong hình.	- HS quan sát và nêu: đài truyền hình, ăng ten, máy thu hình, người dẫn
---	---

 <p>Hình 2</p>	<p>chương trình.</p>
<p>- GV hỏi: “Chương trình truyền hình được sản xuất ở đâu?”</p>	<p>- HS trả lời: Chương trình truyền hình được sản xuất ở đài truyền hình.</p>
<p>- GV hỏi: “Đài truyền hình phát tín hiệu truyền hình bằng cách nào?”</p>	<p>- HS trả lời: Đài truyền hình phát tín hiệu qua ăng ten hoặc qua cáp truyền hình.</p>
<p>- GV hỏi: “Máy thu hình nhận chương trình từ đài truyền hình như thế nào?”</p>	<p>- HS trả lời: Máy thu hình thu tín hiệu truyền hình, phát hình ảnh trên màn hình và âm thanh ra loa.</p>
<p>- GV cho HS đọc phần ghi nhớ dưới Hình 2 và yêu cầu nhắc lại bằng lời của mình.</p> <p>Ghi nhớ: Đài truyền hình là nơi sản xuất các chương trình truyền hình, phát tín hiệu truyền hình qua ăng ten hoặc truyền qua cáp truyền hình. Tivi là thiết bị thu tín hiệu truyền hình, phát hình ảnh trên màn hình và âm thanh ra loa.</p>	<p>- HS đọc ghi nhớ và nói lại: Đài truyền hình sản xuất, phát tín hiệu; tivi nhận tín hiệu để phát hình ảnh và âm thanh.</p>
<p>- GV kết luận: Đài truyền hình và máy thu hình có mối quan hệ với nhau; có đài phát tín hiệu thì máy thu hình mới nhận và phát chương trình.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung chính của hoạt động.</p>
<p>4. LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG: Chọn chương trình phù hợp (7 phút) Mục tiêu: HS biết liên hệ tác dụng của máy thu hình với việc chọn chương trình xem phù hợp ở nhà. Mục tiêu tích hợp: HS biết chọn chương trình truyền hình hoặc video phù hợp lứa tuổi từ nguồn do GV hoặc người lớn giới thiệu; không tự ý bấm vào nội dung lạ. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu công cụ số: “Cô dùng YouTube Kids hoặc danh sách video thiếu nhi đã chọn lọc để minh họa cách chọn nội dung phù hợp.”</p>	<p>- HS lắng nghe và hiểu: YouTube Kids/danh sách video do GV mở là nguồn đã được người lớn chọn trước.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS quan sát tên chương trình, hình ảnh đại diện và thời lượng video trước khi chọn xem.</p>	<p>- HS nêu: Em cần xem tên chương trình, hình ảnh có lành mạnh không và có phù hợp với bài học hay không.</p>
<p>- GV giải thích: “Không phải nội dung nào trên Internet cũng phù hợp với HS lớp 3; có nội dung chỉ dành cho người lớn hoặc không có ích cho học tập.”</p>	<p>- HS lắng nghe và nói: Em không tự ý bấm vào video lạ, quảng cáo lạ hoặc nội dung chưa được người lớn cho phép.</p>
<p>- GV nêu tình huống: “Nếu đang xem</p>	<p>- HS trả lời: Em dừng xem, không</p>

chương trình thiếu nhi mà màn hình gợi ý video có hình ảnh đáng sợ, em sẽ làm gì?”	bấm vào và báo với bố mẹ hoặc thầy cô.
- GV yêu cầu HS nêu 1 chương trình phù hợp để học tập hoặc giải trí lành mạnh.	- HS nêu: Chương trình khoa học thiếu nhi, chương trình học tiếng Anh, chương trình kể chuyện, chương trình thể thao phù hợp.
- GV kết luận: Khi dùng máy thu hình hoặc thiết bị số để xem chương trình, HS cần chọn nội dung phù hợp, có người lớn hướng dẫn và biết tự bảo vệ bản thân.	- HS nhắc lại: Em chỉ xem nội dung phù hợp, không tự ý tìm kiếm hoặc bấm vào nội dung lạ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

.....

-

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 12

Bài 5: Sử dụng máy thu hình (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến, phù hợp với HS.
- Nhận biết được chương trình, quảng cáo hoặc nội dung không phù hợp lứa tuổi và biết dừng xem.
- Biết trao đổi với bạn về chương trình truyền hình yêu thích theo cách lịch sự, rõ ràng.
- Biết nhờ người lớn hỗ trợ khi gặp nội dung gây sợ hãi, khó hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đọc thông tin trong Hình 3, chọn chương trình phù hợp với lứa tuổi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm đôi để nêu tên, nội dung và lí do chọn chương trình phù hợp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xử lí tình huống khi gặp chương trình, quảng cáo hoặc gợi ý nội dung không phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chủ động đọc thông tin, quan sát hình, tham gia thảo luận và chia sẻ với bạn.
- Trách nhiệm: Có ý thức chọn nội dung xem lành mạnh, dừng xem nội dung không phù hợp và báo người lớn khi cần.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 4.1.CB1b: HS biết nhận diện chương trình, quảng cáo hoặc nội dung không phù hợp lứa tuổi và biết dừng xem. Công cụ cụ thể: YouTube Kids hoặc màn hình minh họa danh sách chương trình do GV chuẩn bị. GV hướng dẫn HS hiểu rằng khi sử dụng thiết bị số để xem nội dung, các em cần quan sát tên chương trình, hình ảnh, lời giới thiệu; nếu thấy nội dung lạ, đáng sợ, bạo lực, yêu cầu bấm liên tục hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân thì phải dừng lại và báo người lớn.

4. Tích hợp: Tích hợp KNS: HS biết nhờ người lớn hỗ trợ khi gặp nội dung gây sợ hãi, khó hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân; biết trao đổi lịch sự với bạn về chương trình truyền hình phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 3; máy chiếu; phiếu chọn chương trình phù hợp; thiết bị mở YouTube Kids hoặc hình minh họa danh sách chương trình đã chọn lọc.

- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; thẻ lựa chọn “phù hợp” và “chưa phù hợp”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại tác dụng của máy thu hình; tạo tâm thế để HS tìm hiểu các chương trình truyền hình phù hợp. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: “Máy thu hình dùng để làm gì trong gia đình?”	- HS trả lời: Máy thu hình dùng để xem các chương trình truyền hình.
- GV yêu cầu HS kể một chương trình truyền hình mà em thích.	- HS kể tên chương trình truyền hình theo hiểu biết của mình.
- GV hỏi: “Vì sao em thích chương trình đó?”	- HS trả lời: Vì chương trình vui, bổ ích, giúp em học thêm hoặc giải trí.
- GV nêu vấn đề: “Có phải chương trình nào trên ti vi cũng phù hợp với HS lớp 3 không?”	- HS trả lời: Không phải chương trình nào cũng phù hợp; cần chọn chương trình dành cho thiếu nhi.
- GV nhận xét, dẫn dắt HS vào nội dung tìm hiểu một số chương trình truyền hình.	- HS lắng nghe và chuẩn bị quan sát Hình 3.
- GV giới thiệu nhiệm vụ: Đọc tên chương trình, nêu nội dung và chọn chương trình phù hợp với HS.	- HS nhắc lại nhiệm vụ học tập của tiết học.
2. KHÁM PHÁ: Một số chương trình truyền hình (12 phút) Mục tiêu: HS đọc thông tin trong Hình 3, kể được tên và nêu được nội dung của một số chương trình truyền hình phù hợp. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát Hình 3, đọc tên các kênh truyền hình trong hình.	- HS quan sát và đọc: VTV3, VTV1, VTV6, VTV7.
 <p>Hình 3</p>	
- GV hỏi: “Trong Hình 3 có những chương	- HS trả lời: Giọng hát Việt nhí,

trình nào phù hợp với HS?”	Khám phá thế giới, Bữa trưa vui vẻ, Học cùng con, Học thông qua chơi.
- GV hỏi: “Chương trình nào giúp em học tập hoặc tìm hiểu thế giới xung quanh?”	- HS trả lời: Khám phá thế giới, Học cùng con, Học thông qua chơi.
- GV hỏi: “Chương trình nào chủ yếu giúp giải trí lành mạnh?”	- HS trả lời: Giọng hát Việt nhí, Bữa trưa vui vẻ hoặc chương trình thiếu nhi khác.
- GV cho HS đọc phần ghi nhớ và nhấn mạnh mỗi kênh gồm nhiều chương trình với nội dung đa dạng.	- HS đọc ghi nhớ và nêu: Cần chọn chương trình phù hợp với lứa tuổi.
 Đài truyền hình phát nhiều kênh truyền hình khác nhau. Mỗi kênh truyền hình gồm nhiều chương trình truyền hình với nội dung đa dạng, phù hợp với nhiều lứa tuổi.	
- GV kết luận: Đài truyền hình phát nhiều kênh, mỗi kênh có nhiều chương trình; HS cần biết chọn nội dung phù hợp.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung chính.
3. LUYỆN TẬP: Nhận diện nội dung phù hợp và chưa phù hợp (12 phút) Mục tiêu: HS biết chọn chương trình phù hợp và dừng xem khi gặp nội dung không phù hợp lứa tuổi. Mục tiêu tích hợp: HS nhận diện chương trình, quảng cáo hoặc nội dung không phù hợp lứa tuổi; biết dừng xem và báo người lớn khi cần. *Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu công cụ số: “Cô dùng YouTube Kids hoặc màn hình danh sách chương trình đã chọn lọc để các em quan sát cách chọn nội dung an toàn.”	- HS lắng nghe và hiểu: Công cụ số chỉ được dùng theo hướng dẫn của GV hoặc người lớn.
- GV hướng dẫn HS nhìn tên chương trình, biểu tượng, hình ảnh minh họa và dòng mô tả trước khi quyết định xem.	- HS nêu: Em cần xem chương trình có dành cho thiếu nhi không, hình ảnh có lành mạnh không.
- GV giải thích: “Nếu nội dung có hình ảnh bạo lực, đáng sợ, lời nói không phù hợp, quảng cáo lạ hoặc yêu cầu bấm vào đường dẫn thì các em phải dừng xem.”	- HS nhắc lại: Em dừng xem, không bấm tiếp, không cung cấp thông tin cá nhân.
- GV phát thẻ “phù hợp” và “chưa phù hợp”, đọc một số tình huống để HS giơ thẻ lựa chọn.	- HS giơ thẻ và giải thích ngắn gọn lí do chọn.
- GV nêu tình huống: “Đang xem chương trình thiếu nhi thì xuất hiện quảng cáo trò chơi lạ yêu cầu nhập số điện thoại. Em làm gì?”	- HS trả lời: Em không nhập số điện thoại, dừng xem và báo người lớn.
- GV kết luận: Khi xem nội dung trên ti vi hoặc thiết bị số, HS cần nhận biết dấu hiệu không phù hợp và biết dừng lại đúng lúc.	- HS nhắc lại quy tắc: Dừng xem, không bấm vào nội dung lạ, báo người lớn.
4. VẬN DỤNG: Chia sẻ chương trình truyền hình phù hợp (6 phút) Mục tiêu: HS biết giới thiệu tên, nội dung chương trình truyền hình phù hợp và rèn kĩ năng nhờ người lớn hỗ trợ khi cần.	

Mục tiêu tích hợp: HS biết trao đổi lịch sự với bạn và biết nhờ người lớn hỗ trợ khi gặp nội dung gây sợ hãi, khó hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh chia sẻ trong SGK và đọc lời gợi ý: “Tớ thích chương trình... Nội dung chương trình nói về...”.</p> 	<p>- HS quan sát tranh và đọc lời gợi ý.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nói theo mẫu: tên chương trình, nội dung chính, lí do chương trình phù hợp với HS.</p>	<p>- HS chuẩn bị câu nói ngắn: Em thích chương trình... vì chương trình...</p>
<p>- GV cho HS làm việc nhóm đôi, lần lượt chia sẻ với bạn.</p>	<p>- HS chia sẻ trong nhóm đôi, bạn lắng nghe và hỏi thêm một câu.</p>
<p>- GV nhắc kĩ năng sống: Khi gặp chương trình khiến em sợ, khó hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, em cần bình tĩnh và báo người lớn.</p>	<p>- HS lắng nghe và nêu: Em sẽ nói với bố mẹ, ông bà hoặc thầy cô để được giúp đỡ.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp và nhận xét cách nói của HS.</p>	<p>- HS trình bày trước lớp; HS khác nhận xét: bạn nói rõ tên chương trình và nội dung chính.</p>
<p>- GV kết luận: Chọn chương trình phù hợp giúp việc xem ti vi trở nên lành mạnh, bổ ích và an toàn hơn.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em chọn chương trình phù hợp và nhờ người lớn khi gặp nội dung lạ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-
-
-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 13

Bài 5: Sử dụng máy thu hình (Tiết 3)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Chọn được kênh, điều chỉnh được âm thanh của ti vi theo ý muốn dưới sự hướng dẫn của người lớn.
- Lựa chọn được vị trí ngồi bảo đảm góc nhìn và khoảng cách hợp lí khi xem ti vi.
- Nhận biết được một số cách xem ti vi chưa đúng và nêu được ảnh hưởng xấu có thể xảy ra.
- Biết theo dõi thời gian xem ti vi bằng bảng kiểm đơn giản và tự nhắc mình dừng xem đúng lúc.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát Hình 4, Hình 5 và thực hiện nhiệm vụ chọn cách sử dụng ti vi đúng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để nhận xét hành vi xem ti vi đúng cách, chưa đúng cách.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết đề xuất cách điều chỉnh vị trí ngồi, thời gian xem và âm lượng để bảo vệ sức khỏe.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực thực hành, quan sát tranh, hoàn thành bảng kiểm tự đánh giá thói quen xem ti vi.
- Trách nhiệm: Có ý thức xem ti vi đúng cách, không xem quá lâu, biết nhờ người lớn hỗ trợ khi sử dụng điều khiển.

4. Tích hợp: Tích hợp KNS: HS biết chọn vị trí ngồi, giữ khoảng cách phù hợp, không xem quá lâu và không xem ti vi trong điều kiện thiếu sáng để bảo vệ mắt, bảo vệ sức khỏe.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 5.2.CB1a: HS biết theo dõi thời gian xem ti vi bằng bảng kiểm đơn giản, tự nhắc mình dừng xem đúng lúc. Công cụ cụ thể: Google Forms do GV tạo phiếu tự đánh giá thời gian xem ti vi. GV hướng dẫn HS hiểu rằng công cụ số không dùng để chấm điểm các em, mà giúp các em tự nhìn lại thói quen xem ti vi: hôm nay xem bao lâu, có ngồi đúng khoảng cách không, có dừng xem đúng giờ không, có hỏi người lớn khi gặp nội dung lạ không.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 4, Hình 5; tranh chọn chỗ ngồi xem ti vi; điều khiển ti vi mẫu hoặc hình ảnh điều khiển; Google Forms tự đánh giá do GV chuẩn bị.

- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu bảng kiểm “Em xem ti vi đúng cách”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập và gợi nhớ cách chọn chương trình phù hợp trước khi tìm hiểu cách sử dụng máy thu hình đúng cách. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: “Ở tiết trước, khi gặp chương trình hoặc quảng cáo không phù hợp, em cần làm gì?”	- HS trả lời: Em dừng xem, không bấm vào nội dung lạ và báo người lớn.
- GV hỏi: “Khi xem ti vi, em thường ngồi ở đâu?”	- HS chia sẻ: Em ngồi trên ghế, trên thảm hoặc xem cùng gia đình trong phòng khách.
- GV nêu tình huống: “Một bạn ngồi rất sát ti vi để xem rõ hơn. Theo em có nên không?”	- HS trả lời: Không nên, vì ngồi quá gần có thể ảnh hưởng đến mắt.
- GV hỏi: “Khi tiếng ti vi quá to, em nên làm gì?”	- HS trả lời: Em giảm âm lượng hoặc nhờ người lớn điều chỉnh.
- GV nhận xét, khen HS biết liên hệ thói quen xem ti vi với bảo vệ sức khỏe.	- HS lắng nghe và bổ sung ý kiến của bạn nếu cần.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta thực hành cách sử dụng máy thu hình đúng cách và an toàn.”	- HS nhắc lại nhiệm vụ: sử dụng điều khiển, chọn chỗ ngồi và xem ti vi an toàn.

2. KHÁM PHÁ - THỰC HÀNH: Sử dụng điều khiển ti vi (10 phút)

Mục tiêu: HS nêu được các bước bật, điều chỉnh âm lượng, điều chỉnh kênh và tắt ti vi khi không sử dụng.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 4 và đọc các yêu cầu khi dùng điều khiển từ xa.



- HS quan sát Hình 4 và đọc: bật, tắt nguồn, điều chỉnh kênh, điều chỉnh âm lượng.

- GV hỏi: “Bước 1 khi sử dụng ti vi là gì?”

- HS trả lời: Bước 1 là bật ti vi bằng nút ON/OFF.

- GV hỏi: “Muốn nghe to hơn hoặc nhỏ hơn, em dùng nút nào?”

- HS trả lời: Em dùng nút điều chỉnh âm lượng để tăng hoặc giảm âm lượng.

- GV hỏi: “Có thể điều chỉnh kênh bằng những cách nào?”

- HS trả lời: Có thể dùng phím số hoặc dùng nút P.

- GV nhắc: “Khi không sử dụng, em cần làm gì với ti vi?”

- HS trả lời: Em cần tắt ti vi bằng nút ON/OFF khi không sử dụng.

- GV kết luận: Sử dụng điều khiển cần đúng nút, nhẹ nhàng, không nghịch phá và nên có người lớn hướng dẫn khi cần.

- HS lắng nghe và nhắc lại các bước: bật, chỉnh âm lượng, chỉnh kênh, tắt ti vi.

3. KHÁM PHÁ: Xem ti vi đúng cách và an toàn (13 phút)

Mục tiêu: HS nhận biết các cách xem ti vi chưa đúng; lựa chọn được vị trí ngồi bảo đảm góc nhìn và khoảng cách hợp lý.

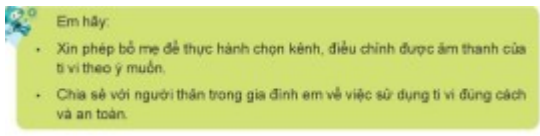
Mục tiêu tích hợp: HS biết chọn vị trí ngồi, giữ khoảng cách phù hợp, không xem quá lâu và không xem ti vi trong điều kiện thiếu sáng để bảo vệ mắt, bảo vệ sức khỏe.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 5 và nêu từng bạn trong tranh đang xem ti vi như thế nào.

- HS quan sát và nêu: có bạn đứng quá gần, xem trong phòng tối, ngồi sát ti vi hoặc vừa xem vừa làm việc khác.

<p>không đúng cách. Nếu ảnh hưởng xấu có thể xảy ra khi xem tivi vì không đúng cách.</p> 	
<p>- GV hỏi: “Những hình nào thể hiện việc xem tivi không đúng cách?”</p>	<p>- HS trả lời: Các hình trong Hình 5 đều thể hiện cách xem tivi chưa đúng hoặc chưa an toàn.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nêu ảnh hưởng xấu nếu xem tivi không đúng cách.</p>	<p>- HS nêu: Có thể mỏi mắt, đau mắt, mắt tập trung, ảnh hưởng giấc ngủ hoặc sức khỏe.</p>
<p>- GV cho HS quan sát tranh chọn chỗ ngồi xem tivi và hỏi: “Gia đình trong tranh ngồi như thế nào?”</p> 	<p>- HS trả lời: Gia đình ngồi đối diện màn hình, giữ khoảng cách an toàn theo khuyến cáo.</p>
<p>- GV diễn giải KNS: Khi xem tivi, HS cần ngồi ngay ngắn, không ngồi quá gần, không nằm xem, không xem quá lâu, không xem trong phòng quá tối và cần dừng xem đúng giờ để bảo vệ mắt.</p>	<p>- HS lắng nghe và nêu một việc em sẽ thực hiện: ngồi xa màn hình, xem cùng người lớn, dừng xem đúng giờ.</p>
<p>- GV kết luận: Xem tivi đúng cách giúp bảo vệ mắt, bảo vệ sức khỏe và giúp việc học tập, giải trí hiệu quả hơn.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em ngồi đúng vị trí, giữ khoảng cách hợp lý và không xem quá lâu.</p>
<p>4. VẬN DỤNG: Tự đánh giá thói quen xem tivi (7 phút) Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức để tự theo dõi thời gian xem tivi và chia sẻ với người thân cách sử dụng tivi đúng cách, an toàn. Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng bảng kiểm đơn giản trên Google Forms do GV tạo để tự đánh giá thói quen xem tivi và tự nhắc mình dừng xem đúng lúc. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu công cụ số: “Cô tạo một phiếu Google Forms tên Em xem tivi đúng</p>	<p>- HS lắng nghe và hiểu: Google Forms là phiếu tự đánh giá do GV</p>

<p>cách để các em tự đánh giá thói quen của mình.”</p>  <p>Em hãy:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xin phép bố mẹ để thực hành chọn kênh, điều chỉnh được âm thanh của ti vi theo ý muốn. Chia sẻ với người thân trong gia đình em về việc sử dụng ti vi đúng cách và an toàn. 	<p>chuẩn bị, không phải trò chơi để bấm tùy ý.</p>
<p>- GV hướng dẫn các mục trong phiếu: hôm nay em xem ti vi bao lâu, em có ngồi đúng khoảng cách không, em có dừng xem đúng giờ không.</p>	<p>- HS nêu lại các mục cần tự kiểm tra: thời gian xem, khoảng cách ngồi, ánh sáng, nội dung xem.</p>
<p>- GV giải thích: “Bảng kiểm giúp các em tự nhắc mình, không phải để so sánh bạn nào xem nhiều hay ít.”</p>	<p>- HS hiểu: Em trung thực khi trả lời và dùng kết quả để sửa thói quen của mình.</p>
<p>- GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu giấy nhanh hoặc quan sát mẫu Google Forms trên màn hình.</p>	<p>- HS đánh dấu vào bảng kiểm theo tình huống GV nêu.</p>
<p>- GV hỏi: “Nếu bảng kiểm cho thấy em xem ti vi quá lâu, em sẽ điều chỉnh thế nào?”</p>	<p>- HS trả lời: Em đặt thời gian xem ngắn hơn, nghỉ mắt, hỏi bố mẹ nhắc em dừng xem đúng giờ.</p>
<p>- GV kết luận: HS cần xin phép bố mẹ khi thực hành chọn kênh, điều chỉnh âm thanh và chia sẻ với người thân về cách xem ti vi đúng cách, an toàn.</p>	<p>- HS cam kết: Em xem ti vi đúng cách, dừng đúng giờ và chia sẻ với người thân điều đã học.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

 -

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 14

Bài 5: Sử dụng máy thu hình - Bài học STEM: Cắm nang sử dụng máy thu hình (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đề xuất được ý tưởng, hình thức, nội dung và cách làm cắm nang sử dụng máy thu hình.
- Lựa chọn được dụng cụ, vật liệu đơn giản để làm cắm nang sử dụng máy thu hình.
- Làm được cắm nang có nội dung những điều nên làm và không nên làm khi sử dụng máy thu hình.

- Giới thiệu được sản phẩm cảm nang và nêu được mục đích sử dụng cảm nang trong gia đình.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự chuẩn bị vật liệu, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn và tự kiểm tra sản phẩm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, phân công nhiệm vụ, góp ý và cùng hoàn thiện cảm nang trong nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn cách trình bày nội dung rõ ràng, phù hợp, sáng tạo và sử dụng được lâu dài.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia thảo luận, cắt, dán, viết và trang trí cảm nang.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng máy thu hình đúng cách, bảo vệ mắt, không xem quá lâu và biết chia sẻ quy tắc an toàn với người thân.

4. Tích hợp

- Tích hợp STEM: HS hoàn thiện và giới thiệu cảm nang sử dụng máy thu hình an toàn, hợp lí cho gia đình; vận dụng đo khoảng cách, chọn góc nhìn và xây dựng quy tắc xem phù hợp.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS biết không xem theo mọi nội dung do hệ thống gợi ý; cần hỏi người lớn và kiểm chứng sự phù hợp. Công cụ số cụ thể: YouTube Kids hoặc giao diện gợi ý nội dung trên ti vi thông minh do GV mô phỏng bằng Google Slides.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sản phẩm cảm nang mẫu; phiếu học tập số 4; tranh hoặc video ngắn về tư thế xem ti vi; Google Slides mô phỏng giao diện gợi ý nội dung; giấy bìa, giấy màu, kéo, keo dán, bút màu dự phòng.
- Học sinh: Giấy ô li hoặc giấy bìa, giấy màu, dây trang trí, kéo, keo dán, bút chì, bút màu, thước kẻ và đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, gợi nhớ cách xem ti vi đúng và dẫn vào nhiệm vụ làm cảm nang.	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
*Cách tiến hành:	
<p>- GV cho HS quan sát tranh bạn nhỏ xem ti vi và hỏi: “Bạn nhỏ trong tranh đang làm gì? Tư thế xem ti vi của bạn có điểm nào cần chú ý?”</p> 	<p>- HS quan sát tranh và trả lời: Bạn nhỏ đang xem ti vi; cần chú ý khoảng cách, thời gian xem và tư thế ngồi.</p>
<p>- GV tổ chức trò chơi nhanh “Nên hay không nên”: GV nêu một số hành vi như xem ti vi quá gần, ngồi thẳng màn hình, xem trong phòng tối, nghỉ mắt sau khi xem.</p>	<p>- HS giơ thẻ hoặc nêu miệng “nên” hoặc “không nên” và giải thích ngắn gọn lí do.</p>
<p>- GV hỏi: “Khi xem ti vi, em cần chú ý những yếu tố nào để bảo vệ mắt và sức khỏe?”</p>	<p>- HS trả lời: Cần chú ý khoảng cách, góc nhìn, ánh sáng, âm lượng và thời gian xem.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ một việc em đã làm ở nhà để xem ti vi an toàn.</p>	<p>- HS chia sẻ: Em ngồi xa màn hình, không xem quá lâu, xem cùng người lớn, không vừa ăn vừa xem ti vi.</p>
<p>- GV nhắc lại nhiệm vụ của tiết trước: HS đã tìm hiểu cách xem ti vi đúng, hôm nay sẽ thiết kế và hoàn thiện cẩm nang sử dụng máy thu hình.</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại nhiệm vụ: Làm cẩm nang sử dụng máy thu hình an toàn, hợp lí cho gia đình.</p>
<p>- GV kiểm tra nhanh vật liệu của các nhóm, khen nhóm chuẩn bị đầy đủ và dẫn vào hoạt động đề xuất ý tưởng.</p>	<p>- HS kiểm tra giấy, kéo, keo dán, bút màu, thước kẻ; đặt vật liệu gọn gàng trên bàn nhóm.</p>
<p>2. ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG VÀ CÁCH LÀM CẨM NANG SỬ DỤNG MÁY THU HÌNH (10 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS thảo luận, lựa chọn ý tưởng, nội dung, hình thức và cách làm cẩm nang sử dụng máy thu hình.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS biết không xem theo mọi nội dung do hệ thống gợi ý; cần hỏi người lớn và kiểm chứng sự phù hợp.</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
*Cách tiến hành:	
- GV chia lớp thành các nhóm 6 HS, giao nhiệm vụ: thảo luận ý tưởng làm cẩm nang sử dụng máy thu hình theo tiêu chí rõ nội dung, dễ đọc, sáng tạo và sử dụng được lâu dài.	- HS về nhóm, phân công bạn điều hành, bạn ghi ý tưởng, bạn chuẩn bị vật liệu và bạn trình bày.
- GV nêu yêu cầu cẩm nang: trình bày được những điều NÊN làm và KHÔNG NÊN làm khi sử dụng máy thu hình trong gia đình.	- HS ghi nhớ yêu cầu: Cẩm nang phải có nội dung nên làm, không nên làm và lời khuyên sử dụng ti vi an toàn.
- GV phát phiếu học tập số 4, hướng dẫn HS ghi hình thức cẩm nang, nội dung cẩm nang, lí do chọn hình ảnh và mục đích sử dụng.	- HS đọc phiếu học tập số 4, thảo luận và ghi nhanh ý tưởng của nhóm vào phiếu.
- GV tích hợp AI: GV trình chiếu bằng Google Slides một giao diện YouTube Kids hoặc giao diện gợi ý video trên ti vi thông minh; GV giải thích cho HS hiểu rằng hệ thống gợi ý có thể đề xuất video theo thói quen xem, nhưng không phải nội dung nào được gợi ý cũng phù hợp với lứa tuổi. Khi muốn xem hoặc đưa nội dung vào cẩm nang, HS cần hỏi người lớn, chọn kênh đáng tin cậy và đối chiếu với quy tắc đã học.	- HS quan sát, lắng nghe và nêu: Em không bấm xem theo mọi video được gợi ý; em cần hỏi bố mẹ hoặc người lớn trước khi xem nội dung lạ.
- GV đặt câu hỏi: “Nếu ti vi gợi ý một chương trình lạ, em sẽ làm gì để bảo vệ bản thân?”	- HS trả lời: Em dừng lại, không tự ý bấm xem, hỏi người lớn và chọn chương trình phù hợp lứa tuổi.
- GV yêu cầu nhóm chọn 3 - 5 nội dung quan trọng nhất để đưa vào cẩm nang, ví dụ: khoảng cách, góc nhìn, thời gian xem, ánh sáng, âm lượng, nội dung phù hợp.	- HS lựa chọn nội dung, ghi vào phiếu và thống nhất cách thể hiện bằng chữ, hình vẽ hoặc biểu tượng.
- GV mời một số nhóm chia sẻ ý tưởng cẩm nang theo gợi ý: hình dáng, chất liệu, nội dung chính và lí do chọn cách trình bày.	- Đại diện nhóm chia sẻ: Nhóm em làm cẩm nang bằng bìa màu, có hình ti vi, có mục nên làm và không nên làm.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhận xét, góp ý để ý tưởng của các nhóm rõ ràng, vừa sức, an toàn khi thực hiện và chuyển sang hoạt động làm sản phẩm.	- HS lắng nghe, điều chỉnh ý tưởng và chuẩn bị thực hành làm cảm nang.
3. LÀM CẢM NANG SỬ DỤNG MÁY THU HÌNH (13 phút) Mục tiêu: HS lựa chọn dụng cụ, vật liệu và thực hành làm cảm nang sử dụng máy thu hình theo ý tưởng của nhóm. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp STEM: HS vận dụng kiến thức Công nghệ, Toán và Tự nhiên xã hội để thiết kế, làm, kiểm tra và điều chỉnh cảm nang sử dụng máy thu hình an toàn. *Cách tiến hành:	
- GV giao hoặc kiểm tra dụng cụ, vật liệu của các nhóm: giấy bìa, giấy màu, kéo, keo dán, bút màu, thước kẻ, dây trang trí. 	- HS nhận hoặc kiểm tra vật liệu, đặt dụng cụ đúng vị trí và chuẩn bị thực hành.
- GV nhắc quy tắc an toàn: cầm kéo đúng cách, không đùa nghịch với vật sắc nhọn, dùng keo vừa đủ, giữ bàn học sạch sẽ.	- HS nhắc lại: Em không chĩa kéo vào bạn, không bôi keo quá nhiều và thu gom giấy vụn đúng nơi quy định.
- GV hướng dẫn các bước gợi ý: chọn hình dáng cảm nang, làm bìa, viết nội dung, vẽ hình minh họa, trang trí, kiểm tra theo tiêu chí.	- HS theo dõi các bước và bắt đầu thực hiện theo phân công của nhóm.
- GV diễn giải tích hợp STEM: Ở hoạt động này, kiến thức Công nghệ giúp HS chọn quy tắc sử dụng máy thu hình đúng cách; Toán giúp HS ước lượng và ghi khoảng cách ngồi xem phù hợp; Tự nhiên và xã hội giúp HS hiểu việc bảo vệ mắt và sức khỏe. HS thực hiện theo quy trình thiết kế kỹ thuật đơn giản: nêu ý tưởng, chọn vật liệu, làm sản phẩm, kiểm tra, góp ý và điều chỉnh để cảm nang vừa đẹp, vừa dùng được trong gia đình.	- HS hiểu nhiệm vụ STEM: Sản phẩm không chỉ đẹp mà còn phải có thông tin đúng, dễ hiểu, giúp mọi người dùng ti vi an toàn.
- GV yêu cầu mỗi nhóm đưa vào cảm nang ít nhất 3 điều nên làm và 2 điều không nên làm khi sử dụng máy thu hình.	- HS viết và vẽ nội dung: nên ngồi đúng khoảng cách, nên xem nơi đủ sáng, không xem quá lâu, không xem nội dung lạ.
- GV quan sát, hỗ trợ nhóm gặp khó khăn về	- HS đặt câu hỏi khi cần hỗ trợ và tiếp tục hoàn

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
cách gấp bìa, sắp xếp chữ, chia khung hoặc diễn đạt quy tắc ngắn gọn.	thiện phần việc của mình.
- GV yêu cầu các nhóm kiểm tra sản phẩm theo tiêu chí: nội dung đúng, chữ rõ, hình ảnh phù hợp, vật liệu chắc chắn, có thể sử dụng lâu dài.	- HS tự kiểm tra cảm nang, sửa lỗi chính tả, dán lại phần chưa chắc và bổ sung hình ảnh nếu cần.
- GV nhắc nhóm hoàn thiện sản phẩm trong thời gian quy định, chuẩn bị cách giới thiệu sản phẩm trước lớp.	- HS hoàn thiện cảm nang, cử đại diện giới thiệu và chuẩn bị trưng bày sản phẩm.
4. TRƯNG BÀY VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM (5 phút) Mục tiêu: HS giới thiệu được sản phẩm, lắng nghe góp ý và điều chỉnh cảm nang cho phù hợp. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho các nhóm trưng bày cảm nang ở bàn nhóm hoặc góc sản phẩm của lớp.	- HS đặt cảm nang ngay ngắn, chuẩn bị phần giới thiệu sản phẩm.
- GV mời đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm theo các ý: tên cảm nang, nội dung chính, hình ảnh đã chọn và mục đích sử dụng.	- Đại diện nhóm giới thiệu: Cảm nang của nhóm em giúp nhắc mọi người xem ti vi đúng khoảng cách, đúng thời gian và chọn nội dung phù hợp.
- GV gợi ý HS nói rõ lí do chọn hình ảnh, màu sắc hoặc cách trình bày trên cảm nang.	- HS nêu: Nhóm em dùng màu nổi bật để mọi người dễ nhìn; vẽ hình ti vi để cảm nang gần gũi hơn.
- GV mời các nhóm khác nhận xét theo tiêu chí: thông tin đúng chưa, chữ dễ đọc chưa, sản phẩm có chắc chắn và đẹp không.	- HS nhận xét lịch sự: Nhóm bạn trình bày rõ, cần viết thêm điều không nên xem ti vi quá lâu.
- GV tổ chức cho HS tự đánh giá sản phẩm bằng cách nêu một điểm đã làm tốt và một điểm cần điều chỉnh.	- HS tự đánh giá: Nhóm em làm tốt phần trang trí, cần viết chữ đều hơn hoặc dán chắc hơn.
- GV góp ý ngắn gọn, khen những nhóm có nội dung đúng, cách trình bày sáng tạo và biết hợp tác.	- HS lắng nghe, cảm ơn góp ý và điều chỉnh sản phẩm nếu còn thời gian.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV kết luận: Cẩm nang tốt là cẩm nang có thông tin đúng, dễ hiểu, dễ dùng và giúp gia đình sử dụng máy thu hình an toàn hơn.	- HS nhắc lại: Em cần làm cẩm nang đúng thông tin, dễ đọc và có ích cho gia đình.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (2 phút) Mục tiêu: HS biết vận dụng cẩm nang để nhắc bản thân và người thân sử dụng máy thu hình khoa học, an toàn. *Cách tiến hành:	
- GV nhắc HS hoàn thiện nốt phần còn thiếu của cẩm nang sau giờ học nếu sản phẩm chưa xong.	- HS lắng nghe và ghi nhớ việc cần hoàn thiện sản phẩm.
- GV giao nhiệm vụ: mang cẩm nang về nhà, đọc cho người thân nghe 3 quy tắc sử dụng máy thu hình an toàn.	- HS nhận nhiệm vụ và nêu: Em sẽ đọc cẩm nang cho bố mẹ hoặc anh chị nghe.
- GV hỏi: “Sau bài học, em sẽ thay đổi thói quen xem ti vi nào?”	- HS chia sẻ: Em sẽ không xem quá lâu, không ngồi quá gần và không tự ý mở chương trình lạ.
- GV dặn HS đặt cẩm nang ở vị trí dễ nhìn gần khu vực xem ti vi để nhắc cả gia đình thực hiện.	- HS nêu: Em có thể đặt cẩm nang ở kệ ti vi hoặc góc học tập.
- GV khen ngợi tinh thần hợp tác, sáng tạo và ý thức bảo vệ sức khỏe khi sử dụng máy thu hình của HS.	- HS lắng nghe, tự nhận xét tinh thần làm việc của bản thân và nhóm.
- GV kết thúc bài học: “Biết sử dụng máy thu hình đúng cách giúp chúng ta học tập, giải trí lành mạnh và bảo vệ sức khỏe.”	- HS đồng thanh nhắc lại: Sử dụng máy thu hình đúng cách, an toàn và hợp lí.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-
-
-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3

TUẦN 15

Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số tình huống không an toàn khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- Nêu được nguy hiểm có thể xảy ra trong các tình huống như bỏng, điện giật, đứt tay, rò rỉ khí ga.
- Nhận biết được một số nhãn cảnh báo nguy hiểm trên thiết bị hoặc tại khu vực nguy hiểm.
- Biết nói quy tắc an toàn đơn giản khi sử dụng thiết bị điện, thiết bị số trong gia đình.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, nhận diện hành vi không an toàn và hoàn thành nhiệm vụ phân loại.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn để nêu nguy hiểm và cách phòng tránh trong từng tình huống.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết đề xuất quy tắc phòng tránh nguy hiểm phù hợp với gia đình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, trả lời câu hỏi và tham gia phân loại tình huống.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ an toàn cho bản thân, biết báo người lớn khi thấy thiết bị hoặc khu vực nguy hiểm.

4. Tích hợp:

Tích hợp NLS 4.1.CB1b: HS nhận diện tình huống mất an toàn khi sử dụng thiết bị điện, thiết bị số trong gia đình. Công cụ cụ thể: Google Slides dùng để trình chiếu tranh tình huống an toàn. GV hướng dẫn HS quan sát tranh trên màn hình, không tự ý bấm mở nội dung khác và chỉ nhận xét theo nguồn thông tin do GV cung cấp.

Tích hợp KNS: HS biết nói quy tắc an toàn đơn giản như không chạm ổ điện, không dùng thiết bị khi tay ướt, không tự ý cắm và rút dây nguồn, không nghịch vật sắc nhọn hoặc thiết bị có nhiệt độ cao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh khởi động Bài 6; tranh Hình 1, thẻ tình huống có thể gây bỏng hoặc điện giật; hình nhãn cảnh báo; Google Slides trình chiếu tình huống an toàn.

- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu phân loại tình huống an toàn và không an toàn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập và gợi mở vấn đề cần lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình. *Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh khởi động và đọc câu hỏi trong bóng nói.</p> <p>Học xong bài này, em sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống không an toàn từ môi trường công nghệ trong gia đình. - Bảo vệ người lớn khi có sự cố, tình huống mất an toàn xảy ra. 	<p>- HS quan sát tranh và đọc: Khi sử dụng sản phẩm công nghệ cần lưu ý gì để đảm bảo an toàn?</p>
<p>- GV hỏi: “Trong gia đình em có những sản phẩm công nghệ nào?”</p>	<p>- HS nêu: ti vi, quạt điện, đèn học, nồi cơm điện, tủ lạnh, điện thoại, máy tính bảng.</p>
<p>- GV hỏi: “Sản phẩm công nghệ có ích lợi gì trong gia đình?”</p>	<p>- HS trả lời: Giúp học tập, giải trí, nấu ăn, làm mát, chiếu sáng và bảo quản thức ăn.</p>
<p>- GV nêu vấn đề: “Nếu sử dụng không đúng cách, sản phẩm công nghệ có thể gây nguy hiểm gì?”</p>	<p>- HS nêu: Có thể bị điện giật, bỏng, đứt tay, cháy nổ hoặc hỏng thiết bị.</p>
<p>- GV nhận xét, khen HS biết liên hệ với thực tế sử dụng thiết bị ở nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe và bổ sung ví dụ của bạn.</p>
<p>- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta nhận biết một số tình huống không an toàn trong môi trường công nghệ gia đình.”</p>	<p>- HS nhắc lại nhiệm vụ: nhận biết tình huống nguy hiểm và nêu cách phòng tránh.</p>
2. KHÁM PHÁ: Nhận biết tình huống không an toàn (12 phút)	

Mục tiêu: HS nhận biết được nguy hiểm có thể xảy ra trong một số tình huống sử dụng sản phẩm công nghệ không đúng cách.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 4.1.CB1b: HS quan sát tranh tình huống trên Google Slides do GV cung cấp, nhận diện nguy cơ mất an toàn khi dùng thiết bị điện, thiết bị số trong gia đình.

***Cách tiến hành:**

- GV giới thiệu công cụ số: “Cô mở Google Slides có các tranh Hình 1 để cả lớp quan sát rõ hơn từng tình huống.”

- HS lắng nghe và hiểu: Google Slides là trang trình chiếu do GV chuẩn bị để quan sát tranh học tập.

- GV hướng dẫn HS quan sát: chỉ nhìn tranh, nghe câu hỏi của GV, không tự ý bấm chuyển trang hoặc mở nội dung khác trên thiết bị.

- HS thực hiện đúng hướng dẫn, tập trung quan sát tranh trên màn hình.

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 1 và nêu các nhân vật trong hình có thể gặp nguy hiểm gì.



- HS quan sát Hình 1 và nêu: có thể bị điện giật, bỏng, đứt tay hoặc gặp nguy hiểm do khí ga.

- GV hỏi: “Bạn trong hình a có thể gặp nguy hiểm gì khi đứng dưới thiết bị điện trong nhà tắm?”

- HS trả lời: Bạn có thể bị điện giật vì thiết bị điện ở gần nước.

- GV hỏi: “Hình b, d và e có điểm gì nguy hiểm?”

- HS nêu: Hình b liên quan đến khí ga, hình d có nước nóng, hình e chọc vào ổ điện.

- GV kết luận: Sử dụng thiết bị công nghệ không đúng cách có thể gây hại cho sản phẩm và ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người.

- HS nhắc lại: Em cần tránh hành vi nguy hiểm và báo người lớn khi cần.

3. LUYỆN TẬP: Phân loại tình huống và nêu quy tắc an toàn (10 phút)

Mục tiêu: HS phân loại được tình huống có thể gây bỏng, gây điện giật và nêu được quy tắc an toàn đơn giản.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp KNS: HS nói được quy tắc an toàn như không chạm ổ điện, không dùng thiết bị khi tay ướt, không tự ý cắm/rút dây nguồn, không nghịch vật sắc nhọn hoặc vật nóng.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc các thẻ tình huống và sắp xếp vào hai nhóm: có thể gây bỏng hoặc có thể gây điện giật.

Em hãy lựa chọn và sắp xếp các thẻ tình huống có thể gây bỏng, hoặc gây điện giật để hoàn thiện bảng theo mẫu gợi ý dưới đây.

1. Để lửa gần bình ga
2. Vội tay lấy phích nước nóng để ở trên cao
3. Để bàn là đang nóng ở gần người
4. Để tay vào hơi xì trên nắp nồi hầm
5. Chọc đồ vật vào ổ điện
6. Chạm vào dây điện bị hở khi đang có điện

Tình huống có thể gây bỏng	Tình huống có thể gây điện giật
?	?
?	?

- HS đọc thẻ tình huống và phân loại theo nhóm phù hợp.

- GV hỏi: “Những tình huống nào có thể gây bỏng?”

- HS trả lời: Để bàn là đang nóng gần người, để tay vào hơi xì trên nắp nồi hầm, vội tay lấy phích nước nóng.

- GV hỏi: “Những tình huống nào có thể gây điện giật?”

- HS trả lời: Chọc đồ vật vào ổ điện, chạm vào dây điện bị hở khi đang có điện.

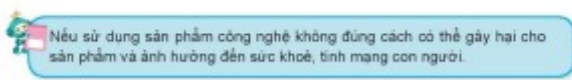
- GV cho HS quan sát một số nhãn cảnh báo và hỏi: “Em thấy những cảnh báo nào?”



- HS nêu: Cảnh báo có điện, cảnh báo vật sắc nhọn, cảnh báo khí ga.

- GV diễn giải KNS: Khi thấy ổ điện, dây điện, phích nước nóng, bếp ga hoặc vật sắc nhọn, HS không tự ý chạm vào; cần giữ

- HS lắng nghe và nêu quy tắc: không chạm ổ điện, không nghịch vật nóng,

khoảng cách, quan sát nhãn cảnh báo và nhờ người lớn hỗ trợ để phòng tránh tai nạn trong gia đình.	không tự ý dùng bếp ga.
- GV kết luận: Nhận biết đúng nguy cơ giúp HS biết phòng tránh và bảo vệ bản thân trong môi trường công nghệ gia đình.	- HS nhắc lại một quy tắc an toàn mà em sẽ thực hiện ở nhà.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM: Quy tắc an toàn trong gia đình (8 phút) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để nêu việc nên làm khi gặp tình huống không an toàn trong gia đình. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ trong SGK về hậu quả khi sử dụng sản phẩm công nghệ không đúng cách. 	- HS đọc: Nếu sử dụng sản phẩm công nghệ không đúng cách có thể gây hại cho sản phẩm và ảnh hưởng sức khỏe, tính mạng con người.
- GV nêu tình huống: “Em thấy dây điện bị hở ở gần ổ cắm. Em sẽ làm gì?”	- HS trả lời: Em không chạm vào và báo ngay cho người lớn.
- GV nêu tình huống: “Em thấy em nhỏ định chọc vật nhọn vào ổ điện. Em nên làm gì?”	- HS trả lời: Em ngăn lại, gọi người lớn và nhắc em nhỏ tránh xa ổ điện.
- GV yêu cầu mỗi HS chọn một quy tắc an toàn để ghi vào vở.	- HS ghi một quy tắc: Không tự ý cắm, rút dây điện; không dùng thiết bị khi tay ướt; không chạm vật nóng.
- GV mời một số HS đọc quy tắc trước lớp và giải thích vì sao cần thực hiện.	- HS đọc quy tắc và nêu lí do để bảo vệ bản thân và gia đình.
- GV kết luận: Khi gặp tình huống không an toàn, HS cần tránh xa, không tự xử lí nguy hiểm và báo ngay cho người lớn.	- HS cam kết: Em quan sát cẩn thận, thực hiện quy tắc an toàn và nhắc người thân khi cần.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-
-
-

Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (Tiết 2)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được một số lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình để đảm bảo an toàn.
- Biết lựa chọn hành vi sử dụng thiết bị điện, thiết bị số đúng cách và tiết kiệm năng lượng.
- Nêu được một số việc có thể làm hằng ngày để dùng điện tiết kiệm, giữ gìn môi trường sống trong gia đình.
- Biết một số thiết bị nhà thông minh có thể tự bật hoặc tự tắt nhờ cảm biến để tiết kiệm điện.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát Hình 2, đọc ghi nhớ và rút ra lưu ý sử dụng sản phẩm công nghệ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để chia sẻ việc nên làm khi dùng thiết bị trong gia đình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ba việc tiết kiệm điện có thể thực hiện hằng ngày ở nhà.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực thảo luận, hoàn thành danh sách việc tiết kiệm điện trong gia đình.
- Trách nhiệm: Có ý thức tắt thiết bị khi không sử dụng, dùng điện tiết kiệm và bảo quản đồ dùng chung.

4. Tích hợp:

Tích hợp BVMT: HS biết tắt thiết bị khi không sử dụng, dùng điện tiết kiệm và giữ gìn môi trường sống trong gia đình.

Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.1: HS biết một số thiết bị nhà thông minh có cảm biến tự tắt hoặc bật để tiết kiệm điện. Công cụ cụ thể: Google Assistant/Google

Home hoặc video mô phỏng nhà thông minh do GV trình chiếu. GV giải thích cho HS hiểu thiết bị thông minh vẫn cần con người đặt quy tắc sử dụng an toàn và tiết kiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: SGK Công nghệ 3; tranh Hình 2; ghi nhớ an toàn, tiết kiệm năng lượng; phiếu “3 việc tiết kiệm điện”; video/mô phỏng Google Home hoặc Google Assistant về thiết bị tự bật, tắt.

- Học sinh: SGK Công nghệ 3; bút, vở; phiếu ghi việc tiết kiệm điện trong gia đình.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

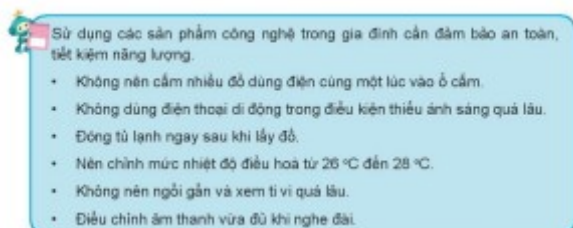
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về tình huống không an toàn và tạo tâm thế tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm công nghệ an toàn, tiết kiệm. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: “Ồ tiết trước, khi thấy dây điện bị hở, em cần làm gì?”	- HS trả lời: Em tránh xa, không chạm vào và báo ngay cho người lớn.
- GV hỏi: “Vì sao không được chọc đồ vật vào ổ điện?”	- HS trả lời: Vì có thể bị điện giật, rất nguy hiểm.
- GV nêu tình huống: “Ra khỏi phòng nhưng quạt và đèn vẫn đang bật. Em sẽ làm gì?”	- HS trả lời: Em tắt quạt, tắt đèn khi không sử dụng.
- GV mời HS kể một thiết bị trong nhà cần dùng cẩn thận và tiết kiệm điện.	- HS nêu: đèn, quạt, ti vi, máy lạnh, tủ lạnh, nồi cơm điện.
- GV nhận xét, liên hệ: Dùng thiết bị đúng cách giúp an toàn và tiết kiệm năng lượng.	- HS lắng nghe và bổ sung ý kiến của bạn.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tìm hiểu các lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình an toàn và tiết kiệm.”	- HS nhắc lại nhiệm vụ: quan sát tranh, nêu lưu ý và lập danh sách việc tiết kiệm điện.
2. KHÁM PHÁ: Lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình (12 phút) Mục tiêu: HS nhận biết được các hành vi sử dụng sản phẩm công nghệ chưa đúng và nêu được lưu ý an toàn tương ứng. *Cách tiến hành:	

<p>- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 và thảo luận về những lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình.</p> <p>2. AN TOÀN KHI SỬ DỤNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ</p> <p>Em hãy quan sát Hình 2 và thảo luận về những lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình.</p>  <p>Hình 2</p>	<p>- HS quan sát Hình 2 và nhận xét từng hành vi sử dụng thiết bị trong tranh.</p>
<p>- GV hỏi: “Ở hình a, vì sao không nên cắm nhiều đồ dùng điện cùng một lúc vào ổ cắm?”</p>	<p>- HS trả lời: Vì có thể gây quá tải, chập điện hoặc cháy nổ.</p>
<p>- GV hỏi: “Ở hình b, dùng điện thoại trong bóng tối quá lâu có hại gì?”</p>	<p>- HS trả lời: Có thể mỏi mắt, ảnh hưởng giấc ngủ và sức khỏe.</p>
<p>- GV hỏi: “Ở hình c, vì sao cần đóng tủ lạnh sau khi lấy đồ?”</p>	<p>- HS trả lời: Để giữ lạnh, bảo quản thức ăn và không lãng phí điện.</p>
<p>- GV hỏi: “Ở hình d, điều chỉnh máy lạnh ở mức 26°C đến 28°C có lợi gì?”</p>	<p>- HS trả lời: Giúp phòng đủ mát, tiết kiệm điện và bảo vệ sức khỏe.</p>
<p>- GV kết luận: Sử dụng sản phẩm công nghệ cần đúng cách, bảo đảm an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ sức khỏe.</p>	<p>- HS nhắc lại các lưu ý: không cắm quá nhiều thiết bị, không dùng điện thoại quá lâu, đóng tủ lạnh, chỉnh nhiệt độ phù hợp.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: Dùng điện tiết kiệm và bảo vệ môi trường (10 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được một số việc tiết kiệm điện có thể thực hiện trong gia đình.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: Tích hợp BVMT: HS biết tắt thiết bị khi không sử dụng, dùng điện</p>	

tiết kiệm và giữ gìn môi trường sống trong gia đình.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ trong SGK về việc sử dụng sản phẩm công nghệ an toàn, tiết kiệm năng lượng.



- HS đọc ghi nhớ và nêu các lưu ý chính khi sử dụng sản phẩm công nghệ.

- GV hỏi: “Khi ra khỏi phòng, em cần làm gì với đèn, quạt hoặc tivi?”

- HS trả lời: Em tắt thiết bị khi không sử dụng.

- GV hỏi: “Vì sao tiết kiệm điện cũng là bảo vệ môi trường?”

- HS trả lời: Vì dùng điện tiết kiệm giúp giảm lãng phí năng lượng và giữ môi trường sống tốt hơn.

- GV diễn giải BVMT: Tiết kiệm điện không chỉ giúp gia đình giảm chi phí mà còn góp phần giảm tiêu hao năng lượng, hình thành thói quen sống có trách nhiệm. HS lớp 3 có thể bắt đầu bằng việc tắt đèn, tắt quạt, đóng tủ lạnh, không mở tivi khi không xem và nhắc người thân sử dụng thiết bị hợp lý.

- HS lắng nghe và nêu một việc cụ thể em làm được ở nhà để tiết kiệm điện.

- GV phát phiếu “3 việc tiết kiệm điện” và yêu cầu HS viết ba việc có thể làm hằng ngày.

- HS viết: tắt đèn khi ra khỏi phòng, tắt quạt khi không dùng, đóng tủ lạnh ngay sau khi lấy đồ.

- GV kết luận: Dùng điện tiết kiệm là việc nhỏ nhưng giúp gia đình an toàn, tiết kiệm và góp phần bảo vệ môi trường.

- HS nhắc lại một việc tiết kiệm điện em sẽ thực hiện trong ngày hôm nay.

4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM: Tìm hiểu thiết bị nhà thông minh (8 phút)

Mục tiêu: HS biết liên hệ bài học với một số thiết bị nhà thông minh có thể tự bật, tắt để hỗ trợ sử dụng điện an toàn và tiết kiệm.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.1: HS biết một số thiết bị nhà thông minh có cảm biến tự tắt hoặc bật để tiết kiệm điện.

*Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu công cụ số: “Cô trình chiếu video mô phỏng Google Home hoặc Google Assistant điều khiển đèn, quạt, máy lạnh trong nhà thông minh.”	- HS quan sát video/mô phỏng và nêu thiết bị có thể tự bật, tắt theo cài đặt.
- GV hướng dẫn HS hiểu: Video/mô phỏng chỉ dùng để quan sát; HS không tự ý điều khiển thiết bị điện trong gia đình nếu chưa được người lớn cho phép.	- HS lắng nghe và hiểu cần có người lớn hướng dẫn khi dùng thiết bị điện hoặc thiết bị thông minh.
- GV giải thích AI: Một số thiết bị thông minh có cảm biến ánh sáng, cảm biến chuyển động hoặc cài đặt tự động để bật, tắt thiết bị. Tuy vậy, thiết bị thông minh không thay thế hoàn toàn con người; chúng ta vẫn cần đặt quy tắc an toàn, kiểm tra khi rời phòng và dùng điện tiết kiệm.	- HS hiểu: Thiết bị thông minh có thể hỗ trợ nhưng em vẫn cần sử dụng đúng cách và nhờ người lớn.
- GV hỏi: “Đèn tự tắt khi không có người trong phòng giúp ích gì?”	- HS trả lời: Giúp tiết kiệm điện và tránh lãng phí.
- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn một thiết bị em muốn sử dụng tiết kiệm hơn ở nhà.	- HS chia sẻ: Em muốn tắt ti vi, quạt, đèn hoặc điều chỉnh máy lạnh hợp lý hơn.
- GV kết luận: Dù dùng thiết bị thường hay thiết bị thông minh, HS cần nhớ an toàn trước, tiết kiệm sau và luôn hỏi người lớn khi cần.	- HS cam kết: Em dùng thiết bị đúng cách, tiết kiệm điện và nhắc người thân cùng thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

.....

-

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 17

Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (Tiết 3) Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số sự cố không an toàn như cháy, khói, điện giật, bị vật sắc nhọn cắt hoặc đâm.
- Nêu được cách xử lý ban đầu phù hợp khi gặp sự cố không an toàn trong gia đình.
- Biết báo cho người lớn hoặc gọi số điện thoại khẩn cấp khi có tình huống nguy hiểm.
- Biết không tự ý chia sẻ hình ảnh, địa chỉ, số điện thoại của gia đình khi sử dụng thiết bị có kết nối Internet.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự quan sát tranh, đọc tình huống và lựa chọn cách xử lý phù hợp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn, đóng vai xử lý tình huống và nhận xét cách làm của nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách xử lý an toàn trong tình huống cháy, khói, điện giật và yêu cầu chia sẻ thông tin cá nhân.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp thẻ tình huống.
- Trách nhiệm: Có ý thức tự bảo vệ bản thân, báo người lớn khi phát hiện nguy cơ mất an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân của gia đình.

4. Tích hợp: Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi nguy cơ mất an toàn; biết báo người lớn khi phát hiện thiết bị nguy hiểm.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 4.2.CB1a: HS không tự ý chia sẻ hình ảnh, địa chỉ, số điện thoại của gia đình khi dùng thiết bị kết nối Internet. Công cụ cụ thể: Google Family Link dùng để minh họa quyền bảo vệ thông tin cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh SGK bài 6, phiếu tình huống cháy, khói, điện giật, bỏng, vật sắc nhọn.
- Máy tính, tivi hoặc máy chiếu; hình minh họa Google Family Link do GV chuẩn bị, không dùng tài khoản thật của HS.
- Phiếu học tập cá nhân, thẻ đáp án, bút màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ các lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình và tạo tâm thế học tập.	
- GV hỏi: “Khi thấy ổ điện, dây điện hoặc bếp đang nóng, em cần làm gì?”	- HS trả lời: Em không chạm vào, đứng cách xa và báo người lớn.
- GV cho HS nhắc lại một lưu ý khi dùng tivi, điện thoại, tủ lạnh hoặc điều hòa trong gia đình.	- HS nêu: Không xem quá gần, không dùng điện thoại quá lâu, đóng tủ lạnh sau khi lấy đồ, chỉnh điều hòa phù hợp.
- GV nêu tình huống: “Một bạn thấy dây điện bị hở nhưng định tự dùng tay kéo ra.” GV hỏi: “Bạn làm như vậy có an toàn không?”	- HS trả lời: Không an toàn, bạn có thể bị điện giật; bạn cần báo người lớn.
- GV tổ chức trò chơi nhanh “Nên làm - Không nên làm” bằng cách đọc hành vi để HS giơ thẻ.	- HS giơ thẻ và giải thích ngắn: Nên làm hoặc không nên làm vì liên quan đến an toàn.
- GV nhận xét, khen HS biết nhận ra nguy cơ và biết nhờ người lớn hỗ trợ khi cần.	- HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta luyện cách xử lý khi có sự cố không an toàn và biết bảo vệ thông tin của gia đình khi dùng	- HS nhắc lại nhiệm vụ: quan sát tình huống, nêu cách xử lý, đóng vai bảo vệ bản thân và thông tin cá nhân.

thiết bị số.”

2. KHÁM PHÁ: XỬ LÝ TÌNH HUỐNG KHI CÓ SỰ CỐ KHÔNG AN TOÀN (15 phút)

Mục tiêu: Nhận biết tình huống cháy, khói, điện giật và nêu cách xử lý an toàn.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi nguy cơ mất an toàn; biết nói “không”, tránh xa nguy hiểm và báo người lớn để được bảo vệ kịp thời.

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 3 trong SGK và nêu từng tình huống không an toàn được mô tả trong tranh.

• Điều chỉnh âm thanh vừa đủ khi nghe đài.



- HS quan sát và nêu: Có cháy; có khói; có dây điện bị hở; có bạn gọi số điện thoại khẩn cấp.

- GV hỏi: “Ồ hình có cháy, nhân vật cần làm gì trước tiên để bảo vệ bản thân?”

- HS trả lời: Cần chạy ra nơi an toàn, hô to để mọi người biết và báo người lớn.

- GV hỏi: “Khi có khói trong nhà, em nên di chuyển như thế nào?”

- HS trả lời: Cần lấy khăn che miệng, mũi; cúi thấp người và nhanh chóng đi ra khỏi nơi có khói.

- GV hỏi: “Khi thấy dây điện bị hở hoặc thiết bị điện phát tia lửa, em có được tự chạm vào không? Vì sao?”

- HS trả lời: Không được tự chạm vào vì có thể bị điện giật; cần tránh xa và gọi người lớn.

- GV diễn giải tích hợp QCN: Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi nguy hiểm trong gia đình. Khi gặp cháy, khói, điện giật hoặc vật sắc nhọn, các em không cố tỏ ra mạnh dạn để tự xử lý mà cần rời khỏi nơi nguy hiểm, gọi người lớn, gọi số khẩn cấp khi cần. Biết báo nguy là cách tự bảo vệ quyền an toàn của mình và giúp người lớn can thiệp đúng lúc.

- HS lắng nghe, nhắc lại: Em có quyền được bảo vệ; khi nguy hiểm em cần tránh xa, báo người lớn và không tự xử lý.

- GV kết luận: Khi có sự cố không an toàn xảy ra, việc đầu tiên là bảo vệ bản thân, tránh xa nguồn nguy hiểm và báo cho người lớn biết.

- HS ghi nhớ: Tránh xa nguy hiểm, báo người lớn và thực hiện theo hướng dẫn an toàn.

3. LUYỆN TẬP: SẮP XẾP CÁCH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VÀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN (10 phút)

Mục tiêu: Sắp xếp thẻ cách xử lý vào tình huống phù hợp và xử lý tình huống khi ứng dụng yêu cầu thông tin cá nhân.

Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 4.2.CB1a: HS biết thông tin cá nhân của gia đình là thông tin riêng tư; không tự ý chia sẻ hình ảnh, địa chỉ, số điện thoại khi dùng thiết bị kết nối Internet.

- GV cho HS đọc các thẻ ghi cách xử lý tình huống trong SGK và yêu cầu thảo luận nhóm đôi để sắp xếp vào bảng phù hợp.

Em hãy sắp xếp các thẻ ghi cách xử lý một số tình huống vào bảng cho phù hợp.

1. Ngắt các nguồn điện
2. Rửa vết bỏng bằng nước nguội sạch
3. Gọi điện đến số điện thoại 114
4. Lấy bông, băng gạc để băng vết bỏng
5. Lấy bông, băng gạc để băng bó vết chảy máu
6. Khi có khò, lấy khăn che miệng, mũi và cúi khom người di chuyển ra khỏi phòng
7. Gọi điện đến số điện thoại 115

Tình huống	Cách xử lý
Bỏng	?
Cháy/khò	?
Điện giật	?
Cắt/đâm (vết sắc nhọn)	?

- HS đọc thẻ, thảo luận và sắp xếp: Bỏng - rửa vết bỏng bằng nước nguội sạch; Cháy/khò - ngắt nguồn điện, che miệng mũi và di chuyển ra khỏi phòng, gọi 114; Điện giật - ngắt nguồn điện; Cắt/đâm - lấy bông, băng gạc để băng vết thương.

- GV mời đại diện nhóm nêu kết quả sắp xếp và giải thích vì sao chọn cách xử lý đó.

- HS trình bày: Mỗi tình huống cần cách xử lý khác nhau để tránh nguy hiểm thêm.

- GV nhận xét, điều chỉnh: Một số tình huống cần báo ngay người lớn, không tự xử lý nếu chưa biết chắc cách làm.

- HS sửa kết quả nếu cần và ghi nhớ cách xử lý an toàn.

- GV nêu tình huống số: “Khi dùng máy tính bảng, một ứng dụng yêu cầu nhập tên, địa chỉ nhà, số điện thoại của bố mẹ và chụp ảnh gia đình. Em sẽ làm gì?”

- HS trả lời: Em không tự nhập, không gửi ảnh, không bấm đồng ý; em hỏi bố mẹ hoặc thầy cô trước.

- GV giới thiệu công cụ số Google Family Link bằng hình minh họa: Đây là công cụ giúp người lớn quản lý thời gian dùng thiết bị, chọn ứng dụng phù hợp và bảo vệ trẻ em khi dùng Internet. GV giải thích rằng công cụ chỉ hỗ trợ nhắc nhở, còn HS vẫn phải biết tự bảo vệ thông tin riêng tư của gia đình.

- HS lắng nghe và hiểu: Google Family Link giúp người lớn hỗ trợ em dùng thiết bị an toàn, nhưng em không tự chia sẻ thông tin cá nhân khi chưa được đồng ý.

- GV cho HS đóng vai: một bạn là “ứng dụng lạ”, một bạn là “người sử dụng thiết bị”. Bạn sử dụng thiết bị phải chọn lời đáp an toàn.

- HS đóng vai và nói: “Tôi không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh gia đình. Tôi sẽ hỏi người lớn trước.”

- GV kết luận: Khi dùng thiết bị có Internet, các em cần bảo vệ thông tin cá nhân giống như bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của mình.

- HS nhắc lại: Không tự chia sẻ hình ảnh, địa chỉ, số điện thoại; cần hỏi người lớn trước khi cung cấp thông tin.

4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút)

Mục tiêu: Liên hệ gia đình và nhắc lại quy tắc xử lý an toàn khi gặp sự cố.

- GV yêu cầu HS kể một nguy cơ mất an

- HS nêu: Ổ điện hở, bếp nóng, dao kéo sắc,

toàn có thể gặp ở nhà và nêu cách phòng tránh.	nước sôi, khói bếp; em tránh xa và báo người lớn.
- GV cho HS hoàn thành câu: “Khi có tình huống không an toàn, em sẽ...”	- HS hoàn thành: Em sẽ bình tĩnh, tránh xa nguy hiểm, gọi người lớn hoặc gọi số khẩn cấp khi cần.
- GV yêu cầu HS nêu lại các số điện thoại khẩn cấp đã học trong bài.	- HS nêu: 114 khi có cháy, 115 khi cần cấp cứu.
- GV nhắc HS về nhà cùng người thân quan sát một số thiết bị trong gia đình và nói một lưu ý an toàn khi sử dụng.	- HS nhận nhiệm vụ về nhà: Em sẽ chia sẻ với người thân về cách dùng thiết bị an toàn.
- GV nhận xét tinh thần học tập, khen nhóm biết xử lý tình huống rõ ràng và an toàn.	- HS lắng nghe, tự đánh giá mức độ tham gia của mình.
- GV kết luận bài học: Sử dụng sản phẩm công nghệ cần an toàn; khi có sự cố, cần báo người lớn và không tự ý làm việc nguy hiểm.	- HS đọc lại ghi nhớ: Khi có tình huống không an toàn xảy ra, cần báo cho người lớn biết hoặc gọi điện đến số điện thoại khẩn cấp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN CÔNG NGHỆ 3 TUẦN 18

Bài 6: An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình (Tiết 4)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được một số việc làm thể hiện thói quen sử dụng sản phẩm công nghệ an toàn, tiết kiệm trong gia đình.
- Biết tự đánh giá thói quen sử dụng thiết bị công nghệ của bản thân bằng bảng kiểm đơn giản.
- Biết lập cam kết sử dụng công nghệ an toàn, tiết kiệm và có trách nhiệm trong gia đình.
- Biết nhắc người thân dùng thiết bị đúng cách, không lãng phí điện và bảo quản đồ dùng chung.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự kiểm tra thói quen sử dụng thiết bị công nghệ của bản thân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn về việc sử dụng thiết bị an toàn, tiết kiệm ở gia đình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất cam kết và việc làm cụ thể để điều chỉnh thói quen dùng công nghệ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành bảng tự đánh giá và chia sẻ việc làm phù hợp.
- Trách nhiệm: Có ý thức tiết kiệm điện, dùng thiết bị đúng hướng dẫn và nhắc người thân cùng thực hiện.

4. Tích hợp: Tích hợp NLS 5.2.CB1a: HS tự đánh giá thói quen sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, tiết kiệm và có trách nhiệm. Công cụ cụ thể: Google Forms dùng làm bảng tự đánh giá thói quen sử dụng thiết bị.

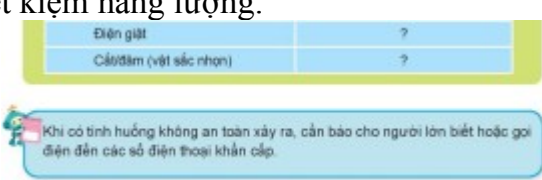
4. Tích hợp: Tích hợp đạo đức, lối sống: HS hình thành ý thức nhắc người thân dùng thiết bị đúng cách, không lãng phí điện và bảo quản đồ dùng chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh vận dụng SGK bài 6, bảng kiểm “Em sử dụng công nghệ an toàn ở gia đình”.
- Máy tính, tivi hoặc máy chiếu; mẫu Google Forms tự đánh giá do GV chuẩn bị.
- Phiếu cam kết cá nhân, bút màu, thẻ việc nên làm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn lại cách xử lý khi có sự cố không an toàn và chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá.	
- GV hỏi: “Khi có cháy hoặc khói trong nhà, em cần làm gì?”	- HS trả lời: Em tránh xa, hô to, che miệng mũi nếu có khói và báo người lớn.
- GV hỏi: “Khi thấy thiết bị điện bất thường, em có tự sửa không?”	- HS trả lời: Không tự sửa; em tắt thiết bị nếu an toàn và báo người lớn.
- GV nêu yêu cầu: “Hãy kể một việc giúp tiết kiệm điện trong gia đình.”	- HS nêu: Tắt đèn, tắt quạt khi ra khỏi phòng; đóng tủ lạnh sau khi lấy đồ; chỉnh điều hòa vừa phải.
- GV tổ chức trò chơi “Một phút an toàn”: HS nói nhanh việc nên làm khi dùng thiết bị công nghệ.	- HS lần lượt nêu: dùng đúng hướng dẫn, không chạm tay ướt vào điện, không dùng điện thoại quá lâu.
- GV nhận xét và liên hệ: Biết làm đúng là tốt, nhưng cần tự kiểm tra thói quen hằng ngày để sửa lỗi.	- HS lắng nghe, sẵn sàng thực hiện bảng tự đánh giá.
- GV dẫn vào bài: “Hôm nay chúng ta tự đánh giá thói quen dùng thiết bị công nghệ và lập cam kết sử dụng an toàn, tiết kiệm.”	- HS nhắc lại nhiệm vụ: tự đánh giá, lập cam kết và chia sẻ với người thân.
2. LUYỆN TẬP: TỰ ĐÁNH GIÁ THÓI QUEN SỬ DỤNG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ (15 phút) Mục tiêu: Hoàn thành bảng kiểm về thói quen sử dụng sản phẩm công nghệ an toàn, tiết kiệm và có trách nhiệm. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp NLS 5.2.CB1a: HS biết dùng bảng kiểm số dưới sự hướng dẫn để tự đánh giá thói quen dùng thiết bị công nghệ và điều chỉnh việc làm chưa phù hợp.	
- GV phát phiếu bảng kiểm giấy gồm các việc: tắt thiết bị khi không dùng, không dùng điện thoại trong bóng tối, không cắm nhiều đồ điện vào một ổ cắm, báo người lớn khi thiết bị bất thường.	- HS đọc từng tiêu chí trong bảng kiểm và đánh dấu vào cột “Đã làm”, “Thỉnh thoảng”, “Chưa làm”.
- GV trình chiếu mẫu Google Forms do GV tạo sẵn và giải thích: “Đây là phiếu tự đánh giá số. Các em chỉ chọn câu trả lời theo thói quen của mình, không nhập địa chỉ, số điện thoại hay thông tin riêng tư.”	- HS quan sát mẫu Google Forms và hiểu cách chọn câu trả lời an toàn, không điền thông tin cá nhân.
- GV hướng dẫn HS trả lời mẫu một câu trên màn hình: “Em có tắt đèn khi ra khỏi phòng không?”	- HS trả lời mẫu: Có; Thỉnh thoảng; hoặc Chưa, theo thói quen của bản thân.
- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng kiểm cá nhân trên giấy; HS nào được phân công có thể thao tác mẫu trên thiết bị của GV.	- HS hoàn thành bảng kiểm và tự nhận ra việc mình đã làm tốt, việc cần cố gắng.
- GV diễn giải tích hợp NLS: Bảng kiểm số	- HS lắng nghe và nhắc lại: Dùng phiếu số

nếu Google Forms giúp thu thập câu trả lời nhanh, nhìn được việc nào nhiều bạn đã làm tốt và việc nào còn cần nhắc nhở. Tuy nhiên, khi làm phiếu số, HS chỉ dùng phiếu do GV hoặc người lớn tạo, không bấm vào đường link lạ, không tự điền thông tin riêng tư. Công cụ số giúp tự kiểm tra thói quen, còn quyết định sửa thói quen là việc mỗi em cần thực hiện hằng ngày.	theo hướng dẫn; không bấm link lạ; không điền thông tin riêng tư; tự sửa thói quen chưa tốt.
- GV mời HS chia sẻ một việc em đã làm tốt và một việc em sẽ sửa từ hôm nay.	- HS chia sẻ: Em đã biết tắt đèn khi ra khỏi phòng; em sẽ không dùng điện thoại trong bóng tối.
- GV kết luận: Tự đánh giá giúp các em biết mình cần điều chỉnh điều gì để sử dụng công nghệ an toàn và tiết kiệm hơn.	- HS ghi nhớ: Em cần tự kiểm tra và điều chỉnh thói quen dùng thiết bị hằng ngày.
3. VẬN DỤNG: LẬP CAM KẾT “EM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ AN TOÀN Ở GIA ĐÌNH” (12 phút) Mục tiêu: Lập cam kết cá nhân và biết nhắc người thân cùng sử dụng thiết bị đúng cách, tiết kiệm. Mục tiêu tích hợp: Tích hợp đạo đức, lối sống: HS có ý thức tiết kiệm điện, bảo quản đồ dùng chung và nói lời nhắc nhở lịch sự với người thân khi thấy hành vi chưa phù hợp.	
- GV yêu cầu HS quan sát yêu cầu vận dụng trong SGK: cùng người thân chia sẻ về những lưu ý khi sử dụng sản phẩm công nghệ trong gia đình để đảm bảo an toàn và tiết kiệm năng lượng. 	- HS quan sát và nêu nhiệm vụ: Về nhà em chia sẻ với người thân về cách dùng thiết bị an toàn, tiết kiệm.
- GV phát phiếu cam kết gồm ba câu: “Em sẽ...”, “Em không...”, “Em nhắc người thân...”.	- HS hoàn thành phiếu: Em sẽ tắt thiết bị khi không dùng; em không chọc đồ vật vào ổ điện; em nhắc người thân đóng tủ lạnh sau khi lấy đồ.
- GV hướng dẫn HS viết lời nhắc lịch sự: “Con mời ba/mẹ tắt quạt khi ra khỏi phòng ạ.”	- HS luyện nói lời nhắc lịch sự, rõ ràng và tôn trọng người thân.
- GV diễn giải tích hợp đạo đức, lối sống: Sử dụng công nghệ an toàn không chỉ là bảo vệ bản thân mà còn thể hiện trách nhiệm với gia đình. Tiết kiệm điện giúp tránh lãng phí, giữ gìn môi trường và biết quý trọng công sức của người lao động. Khi nhắc người thân, HS cần nói nhẹ nhàng, lễ phép, không trách móc.	- HS lắng nghe và nêu: Em sẽ dùng thiết bị đúng cách, tiết kiệm điện và nhắc người thân bằng lời nói lịch sự.
- GV mời một số HS đọc cam kết trước lớp.	- HS đọc cam kết: Em cam kết sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, tiết kiệm và có trách nhiệm.

- GV cho HS dán hoặc giữ phiếu cam kết để mang về chia sẻ với gia đình.	- HS cất phiếu cam kết vào vở hoặc túi hồ sơ để về nhà thực hiện.
- GV kết luận: Mỗi việc nhỏ như tắt đèn, đóng tủ lạnh, dùng điện thoại đúng thời gian đều góp phần tạo môi trường công nghệ an toàn trong gia đình.	- HS nhắc lại: Em dùng thiết bị đúng cách, tiết kiệm và bảo quản đồ dùng chung.
4. TỔNG KẾT - DẶN DÒ (3 phút)	
Mục tiêu: củng cố kiến thức bài 6 và chuẩn bị cho tiết ôn tập học kì I.	
- GV hỏi: “Bài học hôm nay giúp em nhớ điều gì nhất?”	- HS trả lời: Em nhớ phải dùng thiết bị an toàn, tiết kiệm và báo người lớn khi có sự cố.
- GV yêu cầu HS nêu ba việc cần làm khi dùng sản phẩm công nghệ trong gia đình.	- HS nêu: Dùng đúng hướng dẫn, tắt khi không dùng, không tự sửa khi thiết bị hỏng.
- GV yêu cầu HS nêu một việc không nên làm khi dùng thiết bị điện hoặc thiết bị số.	- HS nêu: Không cắm nhiều đồ điện cùng một ổ cắm, không dùng điện thoại quá lâu, không bấm đường link lạ.
- GV nhận xét kết quả tự đánh giá và tinh thần chia sẻ của HS.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh việc làm của mình.
- GV dặn HS về nhà thực hiện cam kết và hỏi người thân thêm một quy tắc an toàn khi dùng thiết bị công nghệ.	- HS nhận nhiệm vụ về nhà và ghi nhớ chuẩn bị cho tiết ôn tập.
- GV kết thúc bài: “An toàn, tiết kiệm và trách nhiệm là ba điều cần nhớ khi sống trong môi trường công nghệ.”	- HS đọc đồng thanh: An toàn - tiết kiệm - trách nhiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY